

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT**

---

**HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO  
CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH**

Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**  
Ngành đào tạo: **Công nghệ tài chính**  
Chương trình: **Công nghệ tài chính**  
Mã ngành: **7340208**  
Loại hình đào tạo: **Chính quy tập trung**

TP.HCM, năm 2021

## MỤC LỤC

### PHẦN MỘT: NỘI DUNG CHÍNH ĐỀ ÁN

1.	Thông tin chung về chương trình đào tạo .....	1
2.	Mục tiêu đào tạo.....	1
2.1.	Mục tiêu chung: .....	1
2.2.	Mục tiêu cụ thể:.....	1
3.	Cơ hội nghề nghiệp, vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp .....	2
4.	Thông tin tuyển sinh và kế hoạch đào tạo .....	3
4.1.	Đối tượng tuyển sinh.....	4
4.2.	Hình thức tuyển sinh .....	4
4.3.	Tổ hợp môn xét tuyển.....	4
4.4.	Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô đào tạo .....	4
5.	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo .....	4
6.	Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp.....	6
6.1.	Quy trình đào tạo.....	6
6.2.	Điều kiện tốt nghiệp.....	7
7.	Thang điểm.....	7
8.	Khối lượng kiến thức toàn khoá.....	7
9.	Nội dung chương trình đào tạo.....	8
10.	Khả năng liên thông với các chương trình đào tạo khác .....	11
11.	Dự kiến kế hoạch giảng dạy .....	11
12.	Kế hoạch thực tập tốt nghiệp và thực hiện đề án tốt nghiệp.....	15
12.1.	Thực tập tốt nghiệp.....	15
12.2.	Thực hiện đề án tốt nghiệp .....	15
13.	Ma trận các môn học và chuẩn đầu ra (kỹ năng).....	17

14.	Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các môn học.....	21
15.	Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo:.....	42
15.1.	Danh sách giảng viên cơ hữu đúng ngành đào tạo .....	42
15.2.	Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các môn học trong chương trình đào tạo .....	Error! Bookmark not defined.
15.3.	Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các môn học trong chương trình đào tạo .....	47
15.4.	Kế hoạch đào tạo, tuyển dụng giảng viên .....	49
16.	Danh sách cố vấn học tập.....	49
17.	Cơ sở vật chất phục vụ học tập.....	50
17.1.	Phòng học.....	50
17.2.	Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính .....	51
17.3.	Thư viện .....	53
17.4.	Giáo trình, tài liệu học tập .....	55
18.	Kế hoạch đảm bảo chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo.....	65
	<b>PHỤ LỤC 1: ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC .....</b>	<b>66</b>
	<b>PHỤ LỤC 2: LÝ LỊCH KHOA HỌC .....</b>	<b>556</b>
	<b>PHỤ LỤC 3: CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO .....</b>	<b>732</b>
	<b>PHỤ LỤC 4: KHẢO SÁT DOANH NGHIỆP.....</b>	<b>742</b>
	<b>PHẦN HAI: DANH SÁCH CÁC QUYẾT ĐỊNH, BIÊN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH.....</b>	<b>781</b>



# PHẦN MỘT: HỒ SƠ ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

### 1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
  - + Tiếng Việt: Công nghệ tài chính
  - + Tiếng Anh: Financial Technology
- Mã ngành đào tạo: **7340208**
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
  - + Tiếng Việt: Cử nhân Công nghệ tài chính
  - + Tiếng Anh: Bachelor of Financial Technology
- Nơi đào tạo: Khoa Tài chính-Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế-Luật

### 2. Mục tiêu đào tạo

#### 2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Công nghệ tài chính nhằm đào tạo cử nhân Kinh tế chuyên ngành Công nghệ tài chính hội đủ các tiêu chuẩn:

- Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và kinh tế; kiến thức lý thuyết chuyên sâu về tài chính – ngân hàng; kiến thức nền tảng cơ bản về khoa học dữ liệu và máy tính.
- Có đủ năng lực tư duy (phản biện, phân tích, tổng hợp) và năng lực thực hành nghề nghiệp để ứng dụng công nghệ vào phát triển sản phẩm dịch vụ tài chính, quản lý, vận hành hoạt động kinh doanh và đầu tư trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.
- Có kỹ năng giao tiếp và hợp tác; có thái độ tích cực và ý thức trách nhiệm và khả năng học tập suốt đời

#### 2.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

**Bảng 1. Kiến thức, kỹ năng và thái độ:**

1.Kiến thức (Knowledge)	2.Kỹ năng (Skill)	3.Mức độ tự chủ và trách
-------------------------	-------------------	--------------------------



		<b>nhiệm cá nhân (Attitude)</b>
1.1: Kiến thức về khoa học xã hội và khoa học tự nhiên	2.1: Kỹ năng áp dụng kiến thức về toán học, khoa học và công nghệ phù hợp, hiệu quả trong lĩnh vực tài chính	3.1: Tính chuyên nghiệp, tự chủ và thái độ tích cực trong bối cảnh toàn cầu và thay đổi công nghệ
1.2: Kiến thức về khoa học máy tính, khoa học dữ liệu	2.2: Kỹ năng thiết kế và thực hiện các thí nghiệm, mô phỏng trong phân tích và khai thác dữ liệu phục vụ kinh doanh và đầu tư hiệu quả	3.2. Trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong môi trường hội nhập và phát triển công nghệ
1.3: Kiến thức về kinh tế, kinh doanh trong thời đại kỹ nguyên số	2.3: Kỹ năng hoạt động nhóm, phân tích đánh giá và giải quyết vấn đề	
1.4: Kiến thức về tài chính, quản lý tài chính và đầu tư trong thời đại kỹ nguyên số	2.4: Kỹ năng áp dụng các kỹ thuật công nghệ tài chính trong đổi mới tài chính, đặc biệt là trong lĩnh vực hệ thống thanh toán, quyết định đầu tư và phát triển sản phẩm tài chính, phân tích dữ liệu lớn tài chính, tài chính internet, an ninh mạng và dữ liệu	
	2.5: Kỹ năng và khả năng giao tiếp và giao tiếp ngoại ngữ	
	2.6: Khả năng học tập suốt đời trong môi trường hội nhập và phát triển công nghệ	

(Tham chiếu theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam)

### **3. Cơ hội nghề nghiệp, vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp**

Định hướng nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ tài chính theo các nhóm ngành nghề chính như sau:

**Nhóm 1: Chuyên viên quản lý, kiểm soát hệ thống tài chính tại các cơ quan quản lý tài chính Nhà nước.** Cử nhân tốt nghiệp ngành Công nghệ tài chính có thể trở thành chuyên viên quản lý, kiểm soát hệ thống tài chính, giám sát hệ thống tài chính, kiểm tra tính bảo mật và vận hành hệ thống quản lý tài chính, ngân sách bằng công nghệ. Các cơ

quan quản lý tài chính như Ngân hàng nhà nước, Bảo hiểm nhà nước, các cơ quan thuế, Hải quan,...hiện tại cũng đang áp dụng và đổi mới mạnh mẽ hệ thống kiểm tra, giám sát bằng công nghệ. Với đội ngũ hiện tại đang thiếu, sinh viên tốt nghiệp sẽ có cơ hội phục vụ công tác tại các đơn vị trên;

**Nhóm 2: Chuyên viên công nghệ và phát triển sản phẩm công nghệ tài chính tại các doanh nghiệp dịch vụ tài chính.** Cử nhân tốt nghiệp ngành Công nghệ tài chính đủ năng lực làm việc với vị trí chuyên viên áp dụng công nghệ vào trong quản lý tài chính, tối ưu hóa danh mục đầu tư, cho vay, phát triển sản phẩm công nghệ (E-banking, E-broker, E-report,...) dựa trên nghiên cứu dữ liệu lớn tại các tổ chức tài chính trong và ngoài nước mà hiện đang rất khan hiếm nguồn nhân lực như các ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán hay các quỹ đầu tư;

**Nhóm 3: Chuyên viên làm việc tại các công ty Fintech.** Cử nhân tốt nghiệp ngành Công nghệ tài chính có đủ năng lực làm chuyên viên tại các công ty Fintech, nơi mà triển vọng sẽ phát triển nhanh trong thời gian tới ở các lĩnh vực như: gọi vốn, chuyển tiền, Blockchain, quản lý tài chính cá nhân, quản lý POS, quản lý dữ liệu, cho vay cung ứng cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và sản xuất kinh doanh khác;

**Nhóm 4: Làm chủ các dự án sáng tạo khởi nghiệp trong lĩnh vực Fintech.** Cử nhân tốt nghiệp ngành Công nghệ tài chính với khả năng am hiểu hệ thống, lập trình, phát triển sản phẩm mới ứng dụng trong lĩnh vực tài chính có đủ năng lực để khởi nghiệp nhất là trong các lĩnh vực gọi vốn bằng phát triển sản phẩm công nghệ mới, sản phẩm ứng dụng nền tảng Blockchain,...;

**Nhóm 5: Giảng viên và nghiên cứu viên.** Cử nhân tốt nghiệp ngành Công nghệ tài chính có thể học thêm các khóa học kỹ năng để trở thành giảng viên trong các trường cao đẳng; làm trợ giảng và học cao học để trở thành giảng viên có học vị cao tại các trường đại học; chuyên viên nghiên cứu, tư vấn, phân tích tại các trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ tài chính.

#### **4. Thông tin tuyển sinh và kế hoạch đào tạo**



#### 4.1. Đối tượng tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của ĐH Quốc Gia TPHCM và đề án tuyển sinh hằng năm của UEL

#### 4.2. Hình thức tuyển sinh

Theo đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

#### 4.3. Tổ hợp môn xét tuyển

Tổ hợp môn xét tuyển theo đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

#### 4.4. Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô đào tạo

Dự kiến bắt đầu tuyển sinh từ năm học 2021-2022 với chỉ tiêu là 50 sinh viên. Quy mô tuyển sinh đến năm 2024 là 200 sinh viên. Cụ thể dự kiến tuyển sinh:

Năm 2022: 50 sinh viên

Năm 2023: 50 sinh viên

Năm 2024: 50 sinh viên

### 5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được trình bày chi tiết theo bảng 1 dưới đây.

**Bảng 2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Stt	Chuẩn đầu ra	Năng lực theo thang đo Bloom
<b>1.</b>	<b>KIẾN THỨC</b>	
<b>1.1</b>	<b>Kiến thức về khoa học xã hội và khoa học tự nhiên</b>	<b>3,5</b>
1.1.1	Có phương pháp luận khoa học để giải quyết các vấn đề kinh tế và tài chính	3,5
1.1.2	Có kiến thức toán, thống kê và khoa học tự nhiên để giải quyết vấn đề kinh tế và tài chính	3,5
1.1.3	Có kiến thức khoa học xã hội và nhân văn để giải quyết các vấn đề kinh tế và tài chính	3,5
<b>1.2</b>	<b>Kiến thức về khoa học máy tính, khoa học dữ liệu</b>	<b>3,5</b>
1.2.1	Có kiến thức về lập trình và sử dụng phần mềm ứng dụng trong quản lý, kinh doanh trong lĩnh vực tài chính	3,5
1.2.2	Có kiến thức về dữ liệu, cấu trúc dữ liệu, phân tích và khai thác dữ liệu lớn phục vụ trong kinh doanh tài chính	3,5
<b>1.3</b>	<b>Kiến thức về kinh tế, kinh doanh trong thời đại kỹ nguyên số</b>	<b>3,5</b>
1.3.1	Có kiến thức về kinh tế học, kinh doanh và xu hướng phát triển trong thời đại kỹ nguyên số	3,5



Stt	Chuẩn đầu ra	Năng lực theo thang đo Bloom
1.3.2	Có kiến thức tài chính và kế toán, và nắm bắt được xu thế phát triển trong thời đại công nghệ	
<b>1.4</b>	<b>Kiến thức về tài chính, quản lý tài chính và đầu tư trong thời đại kỹ nguyên số</b>	<b>4,0</b>
1.4.1	Có kiến thức về tài chính, quản trị tài chính và đầu tư hiệu quả trong thời đại công nghệ số	4,0
1.4.2	Có kiến thức về ngân hàng, quản trị ngân hàng hiệu quả trong thời đại công nghệ số	4,0
<b>2.</b>	<b>KỸ NĂNG</b>	
<b>2.1</b>	<b>Kỹ năng áp dụng kiến thức về toán học, khoa học và công nghệ phù hợp, hiệu quả trong lĩnh vực tài chính</b>	<b>3,5</b>
2.1.1	Có kỹ năng nhận diện và áp dụng thuật toán, hiệu quả trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng	3,5
2.1.2	Có kỹ năng nhận diện và áp dụng khoa học máy tính, lập trình hiệu quả trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng	3,5
<b>2.2</b>	<b>Kỹ năng thiết kế và thực hiện các thí nghiệm, mô phỏng trong phân tích và khai thác dữ liệu phục vụ kinh doanh và đầu tư hiệu quả</b>	<b>3,5</b>
2.2.1	Có kỹ năng thiết kế và thực hiện mô phỏng mô hình hóa ứng dụng trên nền tảng công nghệ	3,5
2.2.2	Có kỹ năng thiết kế, thí nghiệm, mô phỏng dựa trên dữ liệu lớn phục vụ kinh doanh trong lĩnh vực tài chính ngân hàng	3,5
<b>2.3</b>	<b>Kỹ năng hoạt động nhóm, phân tích đánh giá và giải quyết vấn đề</b>	<b>3,5</b>
2.3.1	Có kỹ năng hình thành và tổ chức nhóm hiệu quả	3,5
2.3.2	Có khả năng tổng hợp, phân tích, đánh giá xây dựng các kịch bản, tình huống	3,5
2.3.3	Có kỹ năng hợp tác và giải quyết các vấn đề mang tính đa ngành và liên ngành	3,5
<b>2.4</b>	<b>Kỹ năng áp dụng các kỹ thuật công nghệ tài chính trong đổi mới tài chính, đặc biệt là trong lĩnh vực hệ thống thanh toán, quyết định đầu tư và phát triển sản phẩm tài chính, phân tích dữ liệu lớn tài chính, tài chính internet, an ninh mạng và dữ liệu</b>	<b>3,5</b>
2.4.1	Có kỹ năng áp dụng công nghệ tài chính, phân tích dữ liệu lớn vào quản lý và phát triển dịch vụ tài chính, ngân hàng	3,5
2.4.2	Có kỹ năng phân tích đánh giá lợi nhuận, rủi ro, tính hiệu quả đầu tư, tính bảo mật, an ninh, an toàn tài chính	3,5
<b>2.5</b>	<b>Kỹ năng và khả năng giao tiếp và giao tiếp ngoại ngữ</b>	<b>3,5</b>
2.5.1	Có khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh (TOEIC 500)	3,5
2.5.2	Có khả năng giao tiếp và trình bày tiếng Anh chuyên môn tốt trong lĩnh vực công nghệ tài chính	3,5
<b>2.6</b>	<b>Khả năng học tập suốt đời trong môi trường hội nhập và</b>	<b>4,0</b>

Stt	Chuẩn đầu ra	Năng lực theo thang đo Bloom
	<b>phát triển công nghệ</b>	
2.6.1	Có kỹ năng học, tự học và nghiên cứu	4,0
2.6.2	Có tinh thần ham học hỏi và có khả năng sử dụng công nghệ mới;	4,0
2.6.3	Có kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp	4,0
<b>3</b>	<b>THÁI ĐỘ</b>	
<b>3.1</b>	<b>Tính chuyên nghiệp và thái độ tích cực trong bối cảnh toàn cầu và thay đổi công nghệ</b>	<b>4,0</b>
4.1.1	Có tác phong công nghiệp và khả năng làm việc chuyên nghiệp, tự chủ và tự chịu trách nhiệm	4,0
4.1.2	Có thái độ tích cực nắm bắt rủi ro và các vấn đề biến động do thay đổi công nghệ	4,0
<b>3.2</b>	<b>Trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong môi trường hội nhập và phát triển công nghệ</b>	<b>4,0</b>
3.2.1	Có đạo đức, hành xử chuyên nghiệp	4,0
3.2.2	Có trách nhiệm với tổ chức và cộng đồng	4,0
3.2.3	Có hành vi đạo đức tích cực trong không gian công nghệ	4,0

Trình độ năng lực theo thang đo Bloom	Mô tả
0.0 -> 2.0	Có biết qua/có nghe qua
2.0 ->3.0	Có hiểu biết có thể tham gia
3.0 ->3.5	Có khả năng ứng dụng
3.5 ->4.0	Có khả năng phân tích
4.0 -> 4.5	Có khả năng tổng hợp
4.5 ->5.0	Có khả năng đánh giá

## 6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Việc tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học ban hành kèm theo Quyết định số 789/QĐ-ĐHKTL ngày 9 tháng 8 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật.

### 6.1. Quy trình đào tạo

Học chế đào tạo: Theo Hệ thống Tín chỉ

Quy trình đào tạo được chia làm 8 học kỳ:

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: Học kỳ 1, học kỳ 2, học kỳ 3.



- Khối kiến thức cơ sở của khối ngành: Học kỳ 4.
- Khối kiến thức ngành: Học kỳ 5, học kỳ 6, học kỳ 7.
- Thực tập cuối khóa và Khóa luận tốt nghiệp: Học kỳ 8.

Ngoài ra, Chứng chỉ Ngoại ngữ, Chứng chỉ Giáo dục thể chất và Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng bắt buộc sinh viên phải tích lũy trước khi nhận bằng tốt nghiệp.

## 6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp, nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

- Được công nhận là sinh viên Hệ chính quy của trường Đại học Kinh tế - Luật theo đúng ngành cấp bằng tốt nghiệp;

- Hoàn tất các môn học theo đúng Chương trình giáo dục quy định và tích lũy đủ số tín chỉ quy định của ngành đào tạo, không có môn học nào đạt điểm dưới 5 và có Điểm trung bình chung tích lũy không dưới 5; nhưng tối đa không quá 6 năm học.

- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định của ĐHQG-HCM và của Trường Đại học Kinh tế - Luật (trừ trường hợp các lưu học sinh nước ngoài tuân theo Quy chế Công tác người nước ngoài học tại Việt Nam và các quy định của Nhà nước hiện hành);

- Đạt chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh và giáo dục thể chất;

Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập

## 7. Thang điểm

Sử dụng theo thang điểm chính thức của Trường Đại học Kinh tế - Luật (thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân)

## 8. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Khối lượng kiến thức toàn khóa là 130 Tín chỉ (không kể phần kiến thức: Tiếng Anh thương mại - 20 TC, giáo dục thể chất – 5 TC và giáo dục quốc phòng – 165 tiết) (xem Bảng 3)

**Bảng 3. Khối lượng kiến thức toàn khóa của chương trình đào tạo**

Số TT	Các khối kiến thức	Khối lượng	
		Số tín chỉ	%
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương	40	30,7
	<i>Trong đó: Khối kiến thức công nghệ</i>	3	2,3
II	Khối kiến thức cơ sở ngành và nhóm ngành	32	24,6
	<i>Trong đó: Khối kiến thức công nghệ</i>	6	4,6



III	Kiến thức chuyên ngành	44	33,8
	<i>Trong đó: Khối kiến thức kết hợp tài chính và công nghệ</i>	29	22,3
IV	Kiến thức bổ trợ <i>Trong đó: Khối kiến thức kết hợp tài chính và công nghệ</i>	6 2	4,6 1,5
V	Thực tập, khóa luận tốt nghiệp	8	6,3
	<b>Tổng cộng</b>	<b>130</b>	<b>100</b>

(Tổng số tín chỉ các môn học về công nghệ, công nghệ và tài chính chiếm 30,7%)

### 9. Nội dung chương trình đào tạo

Nội dung chương trình đào tạo và khối lượng kiến thức của từng môn học, khối kiến thức được trình bày tại Bảng 4 dưới đây.

**Bảng 4. Nội dung chương trình đào tạo**

STT	Mã môn học	Tên môn học	Loại môn học	Tín chỉ		
				Tổng cộng	Lý thuyết	TH/TN
<b>I</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>40</b>		
<b>I.1</b>	<b>Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>			<b>11</b>	<b>11</b>	
	<i>Các học phần bắt buộc</i>			<i>11</i>	<i>11</i>	
1	GEN1001	Triết học Mác – Lênin	BB	3	3	
2	GEN1002	Lịch sử ĐCSVN	BB	2	2	
3	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BB	2	2	
4	GEN1004	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	BB	2	2	
5	GEN1005	Chủ nghĩa xã hội khoa học	BB	2	2	
<b>I.2</b>	<b>Nhân văn - Kỹ năng</b>			<b>2</b>	<b>2</b>	
	<i>Các học phần tự chọn (chọn 1 trong 3 học phần)</i>			<i>2</i>	<i>2</i>	
1	GEN1101	Tâm lý học đại cương	TC	2	2	
2	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp		2	2	
	GENxx	Nhân học đại cương		2	2	
<b>I.3</b>	<b>Khoa học xã hội</b>			<b>4</b>	<b>4</b>	
	<i>Các học phần tự chọn (chọn 2 học phần)</i>			<i>4</i>	<i>4</i>	
1	GEN1106	Xã hội học	TC	2	2	
	GENxx	Cơ sở văn hóa Việt Nam		2	2	

	GEN1105	Văn hóa học		2	2	
2	GEN1103	Địa chính trị thế giới		2	2	
	GENxx	Lịch sử văn minh thế giới		2	2	
	GEN1104	Quan hệ quốc tế		2	2	
	<b>I.4</b>	<b>Khoa học kinh tế</b>		<b>9</b>	<b>9</b>	
	<i>Các học phần bắt buộc</i>			9	9	
1	ECO1001	Kinh tế vi mô 1	BB	3	3	
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1	BB	3	3	
3	BUS1100	Quản trị học căn bản	BB	3	3	
<b>I.5</b>	<b>Ngoại ngữ không chuyên</b>			<b>20</b>	<b>16</b>	<b>4</b>
1	ENG1001	Tiếng Anh thương mại 1	BB	5	4	1
2	ENG1002	Tiếng Anh thương mại 2	BB	5	4	1
3	ENG1003	Tiếng Anh thương mại 3	BB	5	4	1
4	ENG1004	Tiếng Anh thương mại 4	BB	5	4	1
<b>I.6</b>	<b>Tin học – Khoa học tự nhiên</b>			<b>8</b>	<b>8</b>	
	<i>Các học phần bắt buộc</i>					
	MAT1001	Toán cao cấp	BB	5	5	
	MIS1201	Giới thiệu lập trình	BB	3	3	
<b>I.7</b>	<b>Khoa học pháp lý</b>			<b>6</b>	<b>6</b>	
	<i>Các học phần bắt buộc</i>			6	6	
1	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật	BB	3	3	
2	LAW1501	Luật doanh nghiệp	BB	3	3	
<b>II</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành và nhóm ngành</b>			<b>32</b>		
<b>II.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>23</b>		
	<i>Các học phần bắt buộc</i>			23		
1	MAT1002	Lý thuyết xác suất	BB	2	2	
2	MAT1004	Kinh tế lượng	BB	3	3	
3	ACC1013	Nguyên lý kế toán	BB	3	3	
4	FIN1401	Nhập môn ngành	BB	2	2	
5	FIN1102	Nguyên lý thị trường tài chính	BB	3	3	
6	BUS 1200	Marketing căn bản	BB	3	3	
7	MIS1105	Hệ thống thông tin trong kinh doanh	BB	2	1	1



8	COM1001	Kinh tế học quốc tế	BB	2	2	
9	MIS	Cơ sở dữ liệu	BB	3	3	
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức nhóm ngành</b>			<b>12</b>	<b>12</b>	
	<i>Các học phần bắt buộc</i>			12	12	
1	MIS1053	Phân tích dữ liệu cơ bản	BB	3	3	
2	ACC1023	Kế toán tài chính	BB	3	3	
3	MAT103	Thống kê ứng dụng	BB	3	3	
4	FIN1103	Quản trị tài chính	BB	3	3	
<b>III</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>			<b>44</b>		
	<i>Các học phần bắt buộc</i>			38		
1	FIN1203	Ngân hàng thương mại	BB	3	3	
2	FIN1201	Tiền tệ-Ngân hàng	BB	3	3	
4	FIN1411	Phân tích dữ liệu tài chính quy mô lớn	BB	3	3	
3	FIN1403	Công nghệ Blockchain	BB	3	3	
4	FIN1404	Gói phần mềm Ứng dụng trong tài chính 1	BB	3	3	
5	FIN1202	Tài chính quốc tế	BB	3	3	
7	FIN1402	Khai thác dữ liệu	BB	3	3	
8	FIN1407	Máy học và trí tuệ nhân tạo trong tài chính	BB	3	3	
9	FIN1107	Đầu tư tài chính	BB	3	3	
10	FIN1115	Quản trị rủi ro tài chính	BB	3	3	
11	FIN1412	Ngân hàng số	BB	3	3	
12	FIN1406	Gói phần mềm Ứng dụng trong tài chính 2	BB	3	3	
	<i>Các học phần tự chọn</i>			<b>6</b>	<b>6</b>	
1	FIN1405	Công nghệ tiền điện tử và thanh toán điện tử	TC	2	2	
	FIN1211	Marketing dịch vụ tài chính		2	2	
2	FIN1409	Đạo đức trong Fintech	TC	2	2	
	FIN1410	Sáng tạo & Khởi nghiệp trong Fintech		2	2	
3	FIN1413	Phân tích kinh doanh (Business Analysis)	TC	2	2	
	MIS	Robotic Process Automation		2	2	
	FIN1414	Gọi vốn cộng đồng (Crowds Funding)		2	2	



<b>IV</b>	<b>Kiến thức bổ trợ</b>			<b>6</b>		
	<i>Các học phần bắt buộc</i>			<b>2</b>	<b>2</b>	
	FIN1408	Kiến tập	BB	2	2	
	<i>Các học phần tự chọn</i>			<b>4</b>	<b>4</b>	
1	ECO1003	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	2	
	GENxx	Thực hành văn bằng tiếng Việt		2	2	
	BUS1303	Kỹ năng làm việc nhóm		2	2	
2	MIS1054	Thiết kế Web và bảo mật	2	2	2	
	MIS1034	Thương mại điện tử		2	2	
<b>V</b>	<b>Kiến thức tốt nghiệp</b>			<b>8</b>		
	<i>Các học phần bắt buộc</i>			<b>8</b>		
1	FIN1303	Thực tập tốt nghiệp	BB	4	0	4
2	FIN1304	Đồ án tốt nghiệp	BB	4		

**Ghi chú:**

- (\*\*): Ghi tên phòng thực hành (PTH). Nếu sử dụng chung PTH do CSĐT khác quản lý phải ghi rõ tên CSĐT và đính kèm thỏa thuận cho phép sử dụng PTH.
- Số thứ tự của các môn học được đánh số tăng dần.

**10. Khả năng liên thông với các chương trình đào tạo khác**

Chương trình đào tạo Công nghệ tài chính là sự kết hợp giữa kiến thức về kinh tế, kinh doanh và tài chính với các thuật toán tối ưu hóa được lập trình trên máy tính. Nó là sự kết hợp giữa khoa học kinh tế tài chính với khoa học về dữ liệu và máy tính. Do vậy người học chương trình Công nghệ tài chính hoàn toàn có thể và có khả năng liên thông học các chương trình gần như về Hệ thống thông tin quản lý, Kinh doanh số và trí tuệ nhân tạo, Toán kinh tế ở bậc đại học và học lên bậc sau đại học các ngành đúng (Công nghệ tài chính, tài chính ngân hàng), Kinh doanh số,...ở các chương trình trong và ngoài nước.

**11. Dự kiến kế hoạch giảng dạy**

**Bảng 5. Kế hoạch giảng dạy dự kiến**

TT	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng	LT	TH	Tích lũy	Đã học và thi
		Học kỳ 1	18				

1	ECO1001	Kinh tế học vi mô 1 (Principles of Microeconomics)	3	3	0	
2	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật (Introduction to Law)	3	3	0	
3	FIN1401	Nhập môn ngành (Introduction to Fintech Programme)	2	2		
4	GEN1001	Triết học MácLênin ( Marxist-Leninist Philosophy)	3	3	0	
5	MAT1001	Toán cao cấp (Advance Mathematics)	5	5	0	
		<b>Môn học tự chọn</b>				
		<b>Chọn 1 trong 3 môn</b>				
5	GEN1101	Tâm lý học đại cương (Introduction to Psychology)	2	2	0	
6	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp (Introduction to business Communications)	2	2	0	
7	GENxx	Nhân học đại cương	2	2	0	
8	GEN1004	Giáo dục thể chất 1 (Physical education)	3			
		<b>Học kỳ 2</b>	<b>20</b>			
1	ECO1002	Kinh tế học vĩ mô 1 (Principles of Macroeconomics)	3	3	0	ECO1001
2	LAW1501	Luật doanh nghiệp (Corporate Law)	3	3	0	
3	GEN1002	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Thoughts)	2	2	0	
4	ACC1013	Nguyên lý kế toán (Accounting principles)	3	3	0	
5	BUS1100	Quản trị học căn bản (Introduction to Management)	3	3	0	
6	MAT1002	Lý thuyết xác suất (Introduction to Probability)	2	2	0	MAT1001
		<b>Môn học tự chọn</b>				
		<b>Chọn 1 trong 3 môn</b>				
7	GEN1103	Địa chính trị thế giới (World Geopolitics)	2	2	0	
8	GENxx	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		
9	GEN1104	Quan hệ quốc tế (International relations)	2	2	0	
		<b>Chọn 1 trong 3 môn</b>				
10	GEN1106	Xã hội học(Sociology)	2	2	0	
11	GENxx	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2		



12	GEN105	Văn hóa học	2	2	0	
13	GEN1005	Giáo dục thể chất 2 (Physical education 2)	3			
14	GEN1006	Giáo dục quốc phòng (4 tuần) (Defense Education)	5			
		<b>Học kỳ 3</b>	<b>19</b>			
1	BUS1200	Marketing căn bản (Principles of marketing)	3	3	0	
2	FIN1102	Nguyên lý thị trường tài chính (Principles of Financial Market)	3	3	0	ECO1002
3	MAT1003	Thống kê ứng dụng (Introduction to Statistics)	3	3	0	MAT1001 MAT1002
4	GEN1003	Kinh tế chính trị Mac-Lê	2	2	0	
5	MIS	Cơ sở dữ liệu (Database)	3	3		MAT1001
6	ACC1023	Kế toán tài chính (Financial Accounting)	3	3	0	
		<b>Môn học tự chọn</b>				
		<b>Chọn 1 trong 3 môn</b>				
7	ECO1003	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research Methodology) (*)	2	2	0	
8	BUS1303	Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork skills)	2	2	0	
9	GENxx	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	2		
		<b>Học kỳ 4 - 20 tín chỉ</b>	<b>20</b>			
1	FIN1103	Quản trị tài chính (Corporate Finance)	3	3	0	FIN1102
2	GEN1004	Lịch sử Đảng CSVN	2	2	0	
3	COM1001	Kinh tế học quốc tế (International economics)	2	2	0	
4	MIS1005	Hệ thống thông tin trong kinh doanh (Business Information systems)	2	2	0	
5	MIS1201	Giới thiệu lập trình (Introduction to Programing)	3	3		
6	MIS1202	Phân tích dữ liệu cơ bản (Essentials of Data Analytics)	3	3	0	
7	MAT1004	Kinh tế lượng (Econometrics)	3	3	0	MAT 1003
		<b>Môn học tự chọn</b>				
		<b>Chọn 1 trong 2 môn</b>				
8	MIS1205	Thiết kế và bảo mật Web (Web programming and security)	2	2	0	



9	MIS1206	Thương mại điện tử (*)	2	2	0	
		<b>Học kỳ 5</b>	<b>18</b>			
1	FIN1203	Ngân hàng thương mại (Commercial Banking)	3	3	0	
2	FIN1402	Khai thác dữ liệu (Data mining)	3	3	0	MIS1201
3	FIN1403	Công nghệ Blockchain	2	2		MIS1201
4	GEN1005	Chủ Nghĩa XH khoa học	2	2		
5	FIN1201	Tiền tệ-Ngân hàng	3	3	0	FIN1102
6	FIN1404	Gói phần mềm ứng dụng cho tài chính 1 (Financial software libraries 1)	3	3	0	MIS1202
		<b>Môn học tự chọn</b>				
		<b>Chọn 1 trong 2 môn</b>				
7	FIN1405	Công nghệ Tiền điện tử và hệ thống thanh toán điện tử (E-payment system & Cryptocurrency Technologies)	2	2		
8	FIN1211	Marketing dịch vụ tài chính	2	2		
		<b>Học kỳ 6</b>	<b>16</b>			
1	FIN1202	Tài chính quốc tế (International Finance Management)	3	3	0	FIN1103
2	FIN1406	Gói phần mềm ứng dụng cho tài chính 2 (Financial software libraries 2)	3	3	0	FIN1404
3	FIN1115	Quản trị rủi ro tài chính (Financial Risk Management)	3	3	0	FIN1103
4	FIN1407	Máy học và trí tuệ nhân tạo trong tài chính (Machine Learning and AI for finance )	3	3	0	FIN1404
5	FIN1408	Kiến tập	2	2		
		<b>Môn học tự chọn</b>				
		<b>Tự chọn chuyên sâu (chọn 1 trong 2 môn)</b>				
6	FIN1409	Đạo đức trong Fintech	2	2	0	
7	FIN1410	Sáng tạo và khởi nghiệp trong Fintech (Innovation & Entrepreneurship in Fintech) (*)	2	2	0	
		<b>Học kỳ 7</b>	<b>11</b>			
1	FIN1107	Đầu tư tài chính (Investment)	3	3	0	FIN1103
2	FIN1411	Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính (Big data Analytics)	3	3	0	FIN1407

3	FIN1412	Ngân hàng số (Digital banking)	3	3	0	FIN1203
		<b>Tự chọn chuyên sâu (Chọn 1 trong 3 môn)</b>				
4	FIN1413	Business Analytics	2	2	0	MIS1105
5	FIN1414	Crowds Market (Funding)	2	2	0	FIN1107
6	MISxx	Robotic Process Automation	2	2	0	
		<b>Học kỳ 8</b>	<b>8</b>			
1	FIN1304	Thực tập tốt nghiệp (Internship)	4	0	4	
2	FIN1303	Đồ án tốt nghiệp (Graduation thesis)	4	4	0	
		<b>Tổng</b>	<b>130</b>			

Ghi chú: (\*): Đối với các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh

(Theo quy chế đào tạo tín chỉ của Bộ GD&ĐT: Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.)

## 12. Kế hoạch thực tập tốt nghiệp và thực hiện đồ án tốt nghiệp

### 12.1. Thực tập tốt nghiệp

#### 12.1.1. Chuẩn bị

Đầu học kỳ VII, Khoa gặp gỡ sinh viên phổ biến về kế hoạch thực tập tốt nghiệp: Thời gian, yêu cầu doanh nghiệp thực tập, đề tài báo cáo, nội dung báo cáo,...; Định hướng cho sinh viên chọn đề tài báo cáo; Khoa sẽ hướng dẫn giới thiệu thực tập cho sinh viên hoặc sinh viên tự liên hệ với doanh nghiệp thực tập. Khoa cung cấp giấy giới thiệu cho sinh viên và mọi hỗ trợ cần thiết để sinh viên liên hệ doanh nghiệp thực tập.

Sau khi liên hệ được doanh nghiệp thực tập, sinh viên đăng ký sơ bộ đề tài báo cáo tốt nghiệp với giảng viên đề nghị hướng dẫn.

Khoa phân công giảng viên hướng dẫn cho từng sinh viên/

Cuối học kỳ VII, sinh viên gặp gỡ giảng viên hướng dẫn, trao đổi cụ thể về kế hoạch thực tập tốt nghiệp và viết báo cáo thực tập.

#### 12.1.2. Thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp và viết báo cáo

- Sinh viên sẽ xin triển khai đề tài khóa luận của mình tại doanh nghiệp và theo sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn
- Kết thúc thời gian thực tập (10 tuần), sinh viên nộp báo cáo và nhận xét đánh giá của doanh nghiệp thực tập.
- Sinh viên hoàn thành đề tài để chuẩn bị báo cáo khóa luận.

### 12.2. Thực hiện đồ án tốt nghiệp

Cuối học kỳ VII, Khoa phân công giảng viên hướng dẫn thực hiện đồ án tốt nghiệp đối với sinh viên đủ điều kiện thực hiện đồ án tốt nghiệp.

- Sinh viên thực hiện đồ án tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong thời gian từ khi sinh viên học chuyên đề đến khi kết thúc thực tập.
- Sinh viên viết đề cương chi tiết về khóa luận, nộp cho giảng viên hướng dẫn
- Giảng viên hướng dẫn góp ý, chỉnh sửa đề cương chi tiết.
- Khoa góp ý về đề cương chi tiết của sinh viên.
- Sinh viên vừa thực tập tại doanh nghiệp vừa triển khai đề hoàn thành đồ án tốt nghiệp.
- Giảng viên hướng dẫn viết nhận xét với điểm đánh giá.
- Đồ án tốt nghiệp được phản biện và bảo vệ đồ án tốt nghiệp trước hội đồng.
- ❖ Thỏa thuận của các đơn vị, cơ sở bên ngoài về việc nhận sinh viên thực tập:

Trường đại học Kinh tế - Luật có ký thỏa thuận hợp tác với nhiều doanh nghiệp, đơn vị trong nhiều lĩnh vực đặc biệt là những đơn vị hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và chứng khoán bao gồm những doanh nghiệp tiếp nhận sinh viên thực tập.



### 13. Ma trận các môn học và chuẩn đầu ra (kỹ năng)

(Danh sách các môn học được hệ thống theo học kỳ và phân bổ giảng dạy các kỹ năng vào các môn học: mức độ giảng dạy I, T, U và trình độ năng lực yêu cầu với môn học theo trình độ năng lực)

**Bảng 6. Ma trận các môn học**

CHUẨN ĐẦU RA	TT	TÊN MÔN HỌC	SỐ TC	K1	K2	K3	K4	S1	S2	S3	S4	S5	S6	A1	A2
				1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2
Học kỳ 1	Bắt buộc	1	Kinh tế học vi mô 1	3	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>								
		2	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	<input type="checkbox"/>										
		3	Nhập môn ngành (Introduction to Fintech Programme)	2							<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
		4	Triết học Mác-Lênin	3	<input type="checkbox"/>									<input type="checkbox"/>	
		5	Toán cao cấp	5	<input type="checkbox"/>				<input type="checkbox"/>						
	Tự chọn	6	Tâm lý học đại cương (Introduction to Psychology)	2	<input type="checkbox"/>						<input type="checkbox"/>				
		7	Nhập môn khoa học giao tiếp (Introduction to business Communications)	2							<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>		
		8	Nhân học đại cương	2							<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
Học kỳ 2	Bắt buộc	1	Kinh tế học vĩ mô 1 (Principles of Macroeconomics)	3	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>								
		2	Luật doanh nghiệp (Corporate Law)	3	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>								
		3	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh thoughts)	2	<input type="checkbox"/>								<input type="checkbox"/>		
		4	Nguyên lý kế toán (Accounting principles)	3			<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>						
		5	Quản trị học căn bản (Introduction to Management)	3			<input type="checkbox"/>				<input type="checkbox"/>				

		6	Lý thuyết xác suất (Introduction to Probability )	2	<input type="checkbox"/>				<input type="checkbox"/>											
	Tự chọn	7	Địa chính trị thế giới (World Geopolitics)	2	<input type="checkbox"/>													<input type="checkbox"/>		
		8	Lịch sử văn minh thế giới	2	<input type="checkbox"/>													<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
		9	Quan hệ quốc tế (International relations)	2	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>													
		10	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	<input type="checkbox"/>														<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		11	Xã hội học(Sociology)	2	<input type="checkbox"/>														<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
		12	Văn hóa học	2	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>							<input type="checkbox"/>						
Học kỳ 3	Bắt buộc	1	Marketing căn bản (Principles of marketing)	3	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>													
		2	Nguyên lý thị trường tài chính (Principles of Financial Market)	3				<input type="checkbox"/>						<input type="checkbox"/>						
		3	Thống kê ứng dụng (Introduction to Statistics)	3	<input type="checkbox"/>				<input type="checkbox"/>											
		4	Kinh tế chính trị Mác Lê	2	<input type="checkbox"/>															
		5	Cơ sở dữ liệu (Database)	3	<input type="checkbox"/>				<input type="checkbox"/>											
		6	Kế toán tài chính (Financial Accounting)	3	<input type="checkbox"/>			<input type="checkbox"/>												
	Tự chọn	6	Thực hành văn bản tiếng Việt	2			<input type="checkbox"/>						<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>					
		7	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research Methodology)	2										<input type="checkbox"/>						
		8	Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork skills)	2	<input type="checkbox"/>								<input type="checkbox"/>							
Học kỳ 4	Bắt buộc	1	Quản trị tài chính (Corporate Finance)	3				<input type="checkbox"/>				<input type="checkbox"/>								
		2	Lịch sử Đảng CSVN	2	<input type="checkbox"/>														<input type="checkbox"/>	
		3	Kinh tế học quốc tế (International economics)	2	<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>													
		4	Hệ thống thông tin trong kinh doanh	2	<input type="checkbox"/>							<input type="checkbox"/>								
		5	Giới thiệu lập trình với Python	3			<input type="checkbox"/>				<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>					<input type="checkbox"/>			





	Tự chọn	6	Phân tích dữ liệu cơ bản	3				<input type="checkbox"/>								<input type="checkbox"/>		
		7	<i>Kinh tế lượng (Econometrics)</i>	3	<input type="checkbox"/>			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>									
		8	<i>Thiết kế và bảo mật Web (Web programming and security)</i>	2		<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>			<input type="checkbox"/>							
Học kỳ 5	Bắt buộc	9	Thương mại điện tử (E-commerce)	2			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			<input type="checkbox"/>							
		1	Khai thác dữ liệu (data mining)	3		<input type="checkbox"/>			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>				<input type="checkbox"/>				
		2	Ngân hàng thương mại	3				<input type="checkbox"/>			<input type="checkbox"/>			<input type="checkbox"/>				
		3	Công nghệ Blockchain (Blockchain Technologies)	2		<input type="checkbox"/>			<input type="checkbox"/>									
		4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	<input type="checkbox"/>													<input type="checkbox"/>
		5	Quản trị tài chính nâng cao (Advance Corporate Finance)	3				<input type="checkbox"/>			<input type="checkbox"/>			<input type="checkbox"/>				
	Tự chọn	6	Gói phần mềm ứng dụng cho tài chính 1	3		<input type="checkbox"/>			<input type="checkbox"/>					<input type="checkbox"/>				
		7	<i>Công nghệ tiền điện tử và hệ thống thanh toán điện tử</i>	2		<input type="checkbox"/>				<input type="checkbox"/>								
Học kỳ 6	Bắt buộc	8	<i>Marketing dịch vụ tài chính</i>	2		<input type="checkbox"/>												
		1	Tài chính quốc tế (International Finance Management)	3				<input type="checkbox"/>			<input type="checkbox"/>							
		2	Gói phần mềm ứng dụng trong tài chính 2	3		<input type="checkbox"/>					<input type="checkbox"/>							
		3	Quản trị rủi ro tài chính (Financial Risk Management)	3		<input type="checkbox"/>					<input type="checkbox"/>							
		4	Máy học và trí tuệ nhân tạo (Machine Learning and AI in Finance)	3				<input type="checkbox"/>			<input type="checkbox"/>					<input type="checkbox"/>		
	Tự chọn	5	Kiến tập	2				<input type="checkbox"/>			<input type="checkbox"/>		<input type="checkbox"/>					<input type="checkbox"/>
		7	<i>Đạo đức trong Fintech (Ethics in Fintech)</i>	2	<input type="checkbox"/>													<input type="checkbox"/>
		8	<i>Sáng tạo và khởi nghiệp trong Fintech</i>	2				<input type="checkbox"/>										

Học kỳ 7	Bắt buộc	1	Đầu tư tài chính (Investment)	3				<input type="checkbox"/>			<input type="checkbox"/>				<input type="checkbox"/>		
		2	Phân tích dữ liệu quy mô lớn	3				<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>							
		3	Ngân hàng số (Digital banking)	3				<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>							
	Tự chọn	3	<i>Phân tích kinh doanh (Business Analytics)</i>	2				<input type="checkbox"/>			<input type="checkbox"/>						
		4	<i>Robotic Process Automation</i>	2				<input type="checkbox"/>			<input type="checkbox"/>				<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
		5	<i>Crowds Funding</i>	2				<input type="checkbox"/>			<input type="checkbox"/>						
Học kỳ 8	Bắt buộc	1	Thực tập cuối khóa	4									<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		
		2	Đồ án tốt nghiệp	4										<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	



## 14. Mô tả văn tắt nội dung và khối lượng các môn học

### 14.1. Môn học: Kinh tế vi mô 1

- **Tên môn học:** Kinh tế vi mô 1  
**Tên tiếng Anh:** Microeconomics 1
- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết:** 03; **Thực hành:** 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức khoa học kinh tế. Nội dung của môn học bao gồm 9 chương liên quan đến những vấn đề cơ bản của kinh tế học vi mô như quy luật cung – cầu và cân bằng trên thị trường sự can thiệp của chính phủ; lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng; lý thuyết sản xuất và hành vi tối đa hóa lợi nhuận trong thị trường cạnh tranh hoàn toàn, thị trường độc quyền thuần túy, thị trường cạnh tranh độc quyền và thị trường độc quyền nhóm; lý thuyết về thị trường các yếu tố sản xuất, kinh tế quốc tế và lợi ích từ ngoại thương. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức kinh tế cơ bản, hiểu rõ hơn cách thức đạt đến trạng thái cân bằng của thị trường, và những quyết định phối hợp tiêu dùng, phối hợp đầu vào hay lựa chọn mức sản lượng nhằm tối đa hóa lợi ích, tối đa hóa lợi nhuận, tối đa hóa doanh thu hoặc tối thiểu hóa chi phí sản xuất; đồng thời trang bị những công cụ hỗ trợ đắc lực cho việc học tập và nghiên cứu các sự kiện và hiện tượng kinh tế.

### 14.2. Môn học: Lý luận nhà nước và pháp luật

- **Tên môn học:** Lý luận nhà nước và pháp luật  
**Tên tiếng Anh:** Doctrines of State and Law
- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết:** 03; **Thực hành:** 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức khoa học pháp lý. Nội dung môn học gồm những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật như: Những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước, nhà nước xã hội chủ nghĩa; những vấn đề lý luận cơ bản về pháp luật, quy phạm pháp luật, hệ thống pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, áp dụng pháp luật và giải thích pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật, hệ thống pháp luật của Việt Nam, các loại văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước ta hiện nay cũng như vấn đề trách nhiệm thực hiện pháp luật của công dân và xử lý vi phạm. Qua đó giúp cho sinh viên có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta; đồng thời những kiến thức lý luận đó cũng giúp cho sinh viên hiểu biết hơn về pháp luật để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

### 14.3. Môn học: Nhập môn ngành

- **Tên môn học:** Nhập môn ngành  
**Tên tiếng Anh:** Introduction to Fintech programme
- Số tín chỉ: 02 (**Lý thuyết:** 02; **Thực hành:** 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản chung nhất cũng như



tìm hiểu về chương trình, các yêu cầu về chương trình và của từng môn học trong toàn bộ chương trình. Môn học cũng cung cấp các kỹ năng học tập yêu cầu đối với chương trình Fintech. Sinh viên sẽ tham gia tham quan thực tế tại đơn vị và có các báo cáo tổng quan về nghề nghiệp

#### 14.4. Môn học: Những NLCB của CN Mác – Lênin

- **Tên môn học:** Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin  
**Tên tiếng Anh:** Fundamental principles of marxism – Leninism
- Số tín chỉ: 05 (**Lý thuyết: 05; Thực hành: 0**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh. Môn học bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của nó. Triết học Mác – Lênin bao gồm: Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Phép biện chứng duy vật và Chủ nghĩa duy vật lịch sử. Kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm: Học thuyết giá trị; Học thuyết giá trị thặng dư và Học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và độc quyền nhà nước. Chủ nghĩa xã hội khoa học bao gồm: Sứ mệnh của giai cấp công nhân và tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và các quy luật kinh tế, chính trị, xã hội của chủ nghĩa xã hội.

Môn học giúp cho sinh viên xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng; xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

#### 14.5. Môn học: Toán cao cấp

- **Tên môn học:** Toán cao cấp  
**Tên tiếng Anh:** Advanced Mathematics
- Số tín chỉ: 05 (**Lý thuyết: 05; Thực hành: 0**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Nội dung môn học gồm 2 phần. Phần đầu trình bày các kiến thức nhập môn về đại số tuyến tính và một số ứng dụng cơ bản của đại số tuyến tính trong kinh tế, đặc biệt là quy hoạch tuyến tính. Phần 2 trình bày kiến thức về phép tính vi phân hàm nhiều biến, sơ lược về tích phân bội và phương trình vi phân, các ứng dụng cơ bản của giải tích một biến và nhiều biến trong kinh tế.

Môn học trang bị cho sinh viên các công cụ toán học về vi phân, tích phân, ma trận, định thức làm cơ sở để ứng dụng trong tính toán và phân tích các mô hình toán kinh tế.

#### 14.6. Môn học: Tâm lý học

- **Tên môn học:** Tâm lý học  
**Tên tiếng Anh:** Psychology
- Số tín chỉ: 02 (**Lý thuyết: 02; Thực hành: 0**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức Nhân văn - Kỹ năng. Nội



dung môn học mô tả các hiện tượng tâm lý cơ bản của con người; trình bày những quy luật nảy sinh hình thành, phát triển và biểu hiện các hiện tượng tâm lý con người trên cơ sở đó giúp người học nhận diện, phân biệt được cũng như nắm được các cơ chế hoạt động của các hiện tượng tâm lý người.

Môn học trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản về tâm lý học đại cương, giúp sinh viên hình thành khả năng học và nghiên cứu tâm lý; hướng dẫn cho sinh viên vận dụng tri thức tâm lý vào việc rèn luyện bản thân, vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng tâm lý con người nhằm phục vụ cho nghề nghiệp của mình.

#### **14.7. Môn học: Nhập môn giao tiếp**

- **Tên môn học:** Nhập môn giao tiếp  
**Tên tiếng Anh:** Business communication introduction
- Số tín chỉ: 02 (**Lý thuyết:**02; **Thực hành:** 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức Nhân văn - Kỹ năng. Nội dung môn học gồm những kiến thức căn bản, nền tảng về khoa học giao tiếp như khái niệm, đặc điểm giao tiếp, chức năng và vai trò của giao tiếp; những hình thức và phương tiện giao tiếp cơ bản ; bản chất xã hội của giao tiếp và giao tiếp trong tổ chức ; kỹ năng giao tiếp hiệu quả.

Mục tiêu của môn học nhằm trang bị cho sinh viên có được những kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ cơ bản để có thể tạo mối quan hệ tốt với mọi người trong một tổ chức, trong học tập và khách hàng, đối tác, đồng nghiệp... sau này.

#### **14.8. Môn học: Nhân học đại cương**

- **Tên môn học:** Nhân học đại cương  
**Tên tiếng Anh:**
- Số tín chỉ: 02 (**Lý thuyết:**02; **Thực hành:** 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Nội dung của môn học là trình bày tổng quát một ngành khoa học nghiên cứu về con người; từ con người sinh học đến con người văn hóa – xã hội.

#### **14.9. Môn học: Giáo dục thể chất**

- Tên môn học: Giáo dục thể chất  
**Tên tiếng Anh:**Physical Education
- Số tín chỉ: 05 (**Lý thuyết:** 01; **Thực hành:** 04)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Giáo dục thể chất là môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Nội dung môn học gồm các nguyên tắc và phương pháp luyện tập thể dục thể thao và tác dụng của việc luyện tập này đối với sự phát triển của cơ thể; các kỹ thuật và các luật qui định đối với một số môn thể thao như chạy cự ly trung bình, bóng chuyền,...

Môn học cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện



nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội với tinh thần, thái độ tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

#### **14.10. Môn học: Kinh tế vĩ mô 1**

- **Tên môn học:** Kinh tế vĩ mô 1  
**Tên tiếng Anh:** Macroeconomics 1
- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết:03; Thực hành: 0**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Toán cao cấp và Kinh tế vi mô 1
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức khoa học kinh tế. Nội dung của môn học gồm 9 chương tập trung các nội dung cơ bản như: Nghiên cứu cơ chế vận hành và các yếu tố quyết định các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô; đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô; xác định tổng cung, tổng cầu và vai trò, tác động của chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương và chính sách tỷ giá đối với nền kinh tế; nguyên cứu, tìm hiểu mối quan hệ giữa các chỉ số kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn.

Môn học trang bị cho sinh viên những lý thuyết, nguyên lý cơ bản về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của chính phủ; giúp sinh viên nắm được những công cụ chính sách kinh tế vĩ mô để điều tiết và ổn định hoá nền kinh tế; vận dụng kiến thức kinh tế vĩ mô để thấy được tác động đến doanh nghiệp và ra quyết định trong kinh doanh.

#### **14.11. Môn học: Luật doanh nghiệp**

- **Tên môn học:** Luật doanh nghiệp  
**Tên tiếng Anh:** Enterprise Law
- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết: 03; Thực hành: 0**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Lý luận nhà nước và pháp luật
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức khoa học pháp lý. Nội dung môn học trình bày những lý luận cơ bản về luật doanh nghiệp và kinh doanh trong nền kinh tế thị trường dưới góc độ khoa học pháp lý cũng như đòi hỏi của môi trường kinh doanh trong thực tiễn hiện nay ở Việt Nam. Nội dung môn học gồm những vấn đề về đại cương về luật doanh nghiệp; những quy định chung về doanh nghiệp; các loại hình doanh nghiệp như công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh cá thể - hợp tác xã; phá sản doanh nghiệp và hợp tác xã,....

Môn học giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản nhất của Pháp luật về lĩnh vực kinh tế; có sự hiểu biết nhất định về các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế, quy trình thành lập doanh nghiệp; những vấn đề pháp lý trong hợp đồng; cách thức giải quyết các tranh chấp trong kinh doanh.

#### **14.12. Môn học: Tư tưởng Hồ Chí Minh**

- **Tên môn học:** Tư tưởng Hồ Chí Minh  
**Tên tiếng Anh:** Ho Chi Minh's Ideology
- Số tín chỉ: 02 (**Lý thuyết:02; Thực hành: 0**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Những nguyên lý căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức lý luận Mác Lênin và Tư



tưởng Hồ Chí Minh. Nội dung môn học gồm 7 chương. Chương 1: trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

Môn học trang bị cho sinh viên tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại; Đảng Cộng sản Việt Nam; về-xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, nhân văn và văn hoá.Sau khi kết thúc môn học, sinh viên có thể hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh; tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta; góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

#### **14.13. Môn học: Nguyên lý kế toán**

- **Tên môn học:** Nguyên lý kế toán  
**Tên tiếng Anh:**Principles of Accounting
- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết:**03; **Thực hành:** 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học:Môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Nội dung môn học giới thiệu các kiến thức cơ bản về nguyên lý hoạt động kế toán, bao gồm: bản chất đối tượng và phương pháp kế toán; bảng cân đối kế toán và các báo cáo tài chính khác; tài khoản và ghi sổ kép; các nghiệp vụ, sổ sách kế toán như chứng từ và kiểm kê, tính giá các đối tượng kế toán, kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu, sổ sách và hình thức kế toán

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về kế toán bao gồm bản chất của kế toán, các nguyên tắc kế toán và các phương pháp kế toán trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin phục vụ cho việc ra quyết định của các đối tượng sử dụng thông tin báo cáo tài chính; giúp cho sinh viên hiểu được các phương pháp của kế toán, làm nền tảng để có thể nghiên cứu môn học tiếp theo.

#### **14.14. Môn học: Quản trị học căn bản**

- **Tên môn học:** Quản trị học căn bản  
**Tên tiếng Anh:** Principles of management
- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết:**03; **Thực hành:** 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức khoa học kinh tế. Nội dung của môn học bao gồm những chức năng và kỹ năng quản trị để thực hiện các hoạt động trong một tổ chức nhằm kết hợp các hoạt động cá nhân riêng lẻ với nhau trong một tổ chức để hoàn thành những mục tiêu chung. Môn học bắt đầu với quản trị là gì và nhà quản trị là ai, làm gì, làm việc ở đâu? Tại sao phải nghiên cứu quản trị? Những tác động của môi trường bên ngoài và bên trong của tổ chức ảnh hưởng đến việc lựa chọn đến việc ban hành quyết định hiệu quả của của một tổ chức. Thông tin được coi là giữ liệu đầu vào giúp cho nhà quản trị đưa ra các quyết định. Chức năng của quản trị học bao gồm: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra được coi là nguyên lý căn bản được ứng dụng trong tất cả các lĩnh vực hoạt động quản trị.



Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chức năng quản trị trong tổ chức như công tác hoạch định, công việc của tổ chức, tiến hành điều khiển và kiểm tra. Bên cạnh những chức năng, kiến thức cơ bản, những kỹ năng quản trị sẽ giúp cho người học phát triển khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề trong tổ chức nhằm đạt đến hai mục tiêu cốt lõi: hiệu quả cao và sự bình ổn tương đối của tổ chức.

#### **14.15. Môn học: Lý thuyết xác suất**

- **Tên môn học:** Lý thuyết xác suất  
**Tên tiếng Anh:** Probability Theory
- Số tín chỉ: 02 (**Lý thuyết:02; Thực hành: 0**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Toán cao cấp
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Nội dung môn học trình bày những kiến thức cơ bản và cốt lõi của lý thuyết xác suất mà sinh viên các ngành học đều đòi hỏi như: Biến cố ngẫu nhiên và xác suất, biến ngẫu nhiên và quy luật phân phối xác suất, một số phân phối xác suất thông dụng.

Môn học cung cấp cho sinh viên một số quy luật phân phối xác suất cơ bản thông dụng làm nền tảng cho các môn Thống kê ứng dụng và Kinh tế lượng.

#### **14.16. Môn học: Địa chính trị thế giới**

- **Tên môn học:** Địa chính trị thế giới  
**Tên tiếng Anh:** Politic policies in the word
- Số tín chỉ: 02 (**Lý thuyết: 02; Thực hành: 0**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức Khoa học xã hội. Nội dung của môn học bao gồm phương pháp nghiên cứu địa chính trị và các nội dung liên quan đến địa chính trị thế giới như: Lịch sử và phát triển của đại chính trị thế giới; lý thuyết địa chính trị; thành phần của địa chính trị; địa chính trị về biển và đại dương; địa chính trị của khu vực.

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những lý thuyết về Địa chính trị trên thế giới, qua đó phân tích, lý giải và nắm vững các sự kiện chính trị, diễn biến chính trị theo các khu vực địa lý từ không gian hẹp của một vùng, quốc gia, một khu vực (nhóm quốc gia) đến các châu lục và toàn cầu.

#### **14.17. Môn học: Lịch sử văn minh thế giới**

- **Tên môn học:** Lịch sử văn minh thế giới  
**Tên tiếng Anh:**
- Số tín chỉ: 02 (**Lý thuyết:02; Thực hành: 0**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Lịch sử văn minh thế giới bao gồm hệ thống kiến thức về quá trình hình thành, phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử nhân loại: văn minh phương Đông (Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Hoa, Ấn Độ, Ả Rập), văn minh phương Tây (Hy Lạp, La Mã, Tây Âu) và nền văn minh cận - hiện đại.



#### 14.18. Môn học: Quan hệ quốc tế

- **Tên môn học:** Quan hệ quốc tế  
**Tên tiếng Anh:** International relations
- Số tín chỉ: 02 (**Lý thuyết:**02; **Thực hành:** 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức Khoa học xã hội. Môn học giới thiệu quá trình hình thành và phát triển môn học, các lý thuyết quan hệ quốc tế chủ yếu, những vấn đề lý luận và các quan niệm khác nhau về từng vấn đề trong nghiên cứu quan hệ quốc tế. Nội dung môn học bao gồm các chương về yếu tố tổ chức; yếu tố phi tổ chức; quyền lực trong quan hệ quốc tế; hệ thống quan hệ quốc tế; ngoại giao; mâu thuẫn và xung đột trong quan hệ quốc tế; hợp tác và phối hợp trong quan hệ quốc tế.

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở về quan hệ quốc tế như các loại hình chủ thể quan hệ quốc tế và động lực tham gia quan hệ quốc tế của chúng, các công cụ được sử dụng trong quan hệ quốc tế, hệ thống quốc tế, những yếu tố bên trong và bên ngoài tác động tới quan hệ quốc tế, các hình thức và tính chất chủ yếu của quan hệ quốc tế như xung đột và chiến tranh hay hợp tác và hội nhập,... Qua đó sinh viên được trang bị cơ sở lý luận và những phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế, giúp sinh viên có khả năng phân tích các hiện tượng và vấn đề khác nhau trong thực tiễn quan hệ quốc tế.

#### 14.19. Môn học: Xã hội học

- **Tên môn học:** Xã hội học  
**Tên tiếng Anh:** Sociology
- Số tín chỉ: 02 (**Lý thuyết:**02; **Thực hành:** 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức Khoa học xã hội. Nội dung môn học gồm 14 chương, trình bày sơ lược về những điều kiện, tiền đề của sự ra đời ngành xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của khoa học này (từ chương 1 đến chương 3), những vấn đề cơ bản của xã hội học (từ chương 4 đến chương 12), các chuyên ngành xã hội học (chương 13) và phương pháp nghiên cứu xã hội học (chương 14).

Môn học giúp sinh viên có một số kiến thức lý luận, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu xã hội học, đồng thời giúp sinh viên hiểu rằng xã hội là một hệ thống phong phú bởi nó bao gồm nhiều vấn đề phức tạp của xã hội hiện đại.

#### 14.20. Môn học: Cơ sở văn hóa Việt Nam

- **Tên môn học:** Cơ sở văn hóa Việt Nam  
**Tên tiếng Anh:**
- Số tín chỉ: 02 (**Lý thuyết:**02; **Thực hành:** 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học:

#### 14.21. Môn học: Văn hóa học

- **Tên môn học:** Văn hóa học



**Tên tiếng Anh:**

- Số tín chỉ: 02 (**Lý thuyết:02; Thực hành: 0**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học:

**14.22. Môn học: Giáo dục quốc phòng**

- **Tên môn học:** Giáo dục quốc phòng  
**Tên tiếng Anh:** National defence and security education
- Số tín chỉ: 05 – 165 tiết (**Lý thuyết: 90 tiết; Thực hành: 75 tiết**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Giáo dục quốc phòng là môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Nội dung môn học gồm IV phần. Phần I - Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; phần II - Công tác quốc phòng và an ninh; phần III- Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn; phần IV - Hiểu biết chung về quân, binh chủng.

Môn học cung cấp cho sinh viên có kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

**14.23. Môn học: Marketing căn bản**

- **Tên môn học:** Marketing căn bản  
**Tên tiếng Anh:**Fundamental Marketing
- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết:03; Thực hành: 0**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Kinh tế học vi mô
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về Marketing như: Các khái niệm, vai trò, chức năng của hoạt động marketing; môi trường marketing; hành vi khách hàng; phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm; triển khai các chiến lược marketing hỗn hợp gồm 4 P căn bản là sản phẩm, giá, phân phối và xúc tiến hỗn hợp.

Môn học cung cấp cho người học các kiến thức nền tảng về hoạt động Marketing để sự vận dụng chúng vào thực tiễn doanh nghiệp và làm tiền đề để nghiên cứu chuyên sâu các môn học chuyên ngành như: Nghiên cứu marketing; Quản trị marketing; Marketing dịch vụ; Quản trị bán hàng; Quản trị thương hiệu; Kỹ năng bán hàng.

**14.24. Môn học: Nguyên lý thị trường tài chính**

- **Tên môn học:** Nguyên lý thị trường tài chính  
**Tên tiếng Anh:**Financial market principles
- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết:03; Thực hành: 0**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Nội dung môn học bao gồm các vấn đề liên quan đến thị trường tài chính quốc gia như:



Tổng quan về thị trường tài chính, thị trường chứng khoán, chứng khoán và giao dịch chứng khoán, thị trường tiền tệ và thị trường hối đoái, nguyên tắc hoạt động của các trung gian tài chính, giới thiệu về ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ. Trang bị sinh viên các vấn đề chung về hoạt động các công ty Fintech, chính sách NHTW trong bối cảnh công nghệ thanh toán điện tử và các sản phẩm mới. Đây là những kiến thức nền tảng bắt buộc phải nắm vững để tiếp tục học các môn học, trong đó có quản trị tài chính.

Môn học trang bị những kiến thức lý luận và ứng dụng thực hành về thị trường tài chính, thị trường tiền tệ, thị trường hối đoái, thị trường chứng khoán. Trên cơ sở đó, liên hệ vận dụng nghiên cứu trong điều kiện cụ thể thực tiễn trước thay đổi công nghệ toàn cầu

#### **14.25. Môn học: Thống kê ứng dụng**

- **Tên môn học:** Thống kê ứng dụng  
**Tên tiếng Anh:** Introduction to Statistics
- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết:03; Thực hành: 0**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất
- Mô tả nội dung môn học: Trang bị cho người học các phương pháp thống kê căn bản sử dụng trong việc thu thập và phân tích dữ liệu, làm cơ sở để có thể ra các quyết định trong kinh doanh. Giúp người học biết sử dụng các phần mềm trong việc xử lý dữ liệu (Excel, SPSS), hiểu và sử dụng được các kết quả cung cấp từ phần mềm đó.  
Cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế – xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Trang bị các phương pháp phân tích kinh tế – xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế.

#### **14.26. Môn học: Cơ sở dữ liệu**

- **Tên môn học:** Cơ sở dữ liệu  
**Tên tiếng Anh:** Database
- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết:03; Thực hành: 0**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Toán cao cấp
- Mô tả nội dung môn học: Tìm hiểu cách thức xây dựng cấu trúc cho bài toán lập trình cho lưu trữ và xử lý trình; tìm hiểu về các cấu trúc dữ liệu cơ bản mảng, list, đến phức tạp heap, cây .. và cách thức thao tác trên các cấu trúc dữ liệu trên. Đồng thời tìm hiểu các xử lý thuật toán trong tìm kiếm và sắp xếp. đánh giá và phân tích tốc độ các thuật toán.

#### **14.27. Môn học: Kế toán tài chính**

- **Tên môn học:** Kế toán tài chính  
**Tên tiếng Anh:** Financial Accounting
- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết:03; Thực hành: 0**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Nội dung môn học bao gồm những kiến thức cơ bản về kế toán tài chính. Xử lý về bản chất nghiệp vụ kinh tế - tài chính phát sinh, ghi



nhận và trình bày thông tin trên báo cáo tài chính liên quan đến các phần hành kế toán: các quá trình SX-KD chủ yếu của doanh nghiệp; các khoản đầu tư; các khoản thanh toán; hoạt động khác và xác định KQKD; vốn chủ sở hữu và báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

#### **14.28. Môn học: Phương pháp nghiên cứu khoa học**

- **Tên môn học:** Phương pháp nghiên cứu khoa học  
**Tên tiếng Anh:** Science research methods
- Số tín chỉ: 02 (**Lý thuyết:**02; **Thực hành:** 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức Nhân văn - Kỹ năng. Nội dung môn học gồm các nội dung về các bước tiến hành một nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính, các phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu và các phương pháp phân tích số liệu phục vụ nghiên cứu, các nội dung và trình tự nội dung của một báo cáo nghiên cứu như luận văn, đồng thời giới thiệu những vấn đề nghiên cứu kinh tế trên các khía cạnh vĩ mô và vi mô. Trong các nội dung trình bày sẽ có các thảo luận về bài tập tình huống có liên quan, đồng thời gợi ý các chuyên đề (tiểu luận) có thể vận dụng phương pháp được học.

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng để thực hiện được một nghiên cứu khoa học cụ thể như có phương pháp xác định vấn đề nghiên cứu, biết cách nghiên cứu tổng quan và xây dựng mô hình nghiên cứu, biết cách thu thập và phân tích dữ liệu, cũng như viết trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học.

#### **14.29. Môn học: Kỹ năng làm việc nhóm**

- **Tên môn học:** Kỹ năng làm việc nhóm  
**Tên tiếng Anh:** Teamwork Skill
- Số tín chỉ: 02 (**Lý thuyết:**02; **Thực hành:** 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Quản trị học
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức Nhân văn - Kỹ năng và là một trong những kỹ năng mềm rất cần thiết trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong công việc.

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về làm việc nhóm để duy trì tinh thần làm việc đồng đội hiệu quả. Kết thúc môn học, sinh viên sẽ có được khả năng vận dụng các lý thuyết cơ bản trong làm việc nhóm để lập luận và giải quyết các vấn đề phát sinh trong nhóm và trong kinh doanh. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ biết cách thành lập, xây dựng và phát triển nhóm. Ngoài ra, sinh viên được rèn luyện và phát huy các kỹ năng làm việc nhóm như: Kỹ năng thành lập nhóm làm việc hiệu quả, vận hành nhóm, phát triển nhóm, lãnh đạo nhóm, kỹ năng làm việc trong các nhóm khác nhau. Bên cạnh đó, sinh viên còn được thực hành một số kỹ năng như kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng xử lý mâu thuẫn, kỹ năng tổ chức cuộc họp...

#### **14.30. Môn học: Thực hành văn bản tiếng Việt**

- **Tên môn học:** Thực hành văn bản tiếng Việt  
**Tên tiếng Anh:**



- Số tín chỉ: 02 (**Lý thuyết:02; Thực hành: 0**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Môn Thực hành văn bản tiếng Việt cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về tiếng Việt, về các loại văn bản tiếng Việt cũng như rèn luyện kỹ năng đọc, viết tiếng Việt đúng chuẩn ngôn ngữ và chuẩn phong cách. Từ đó góp phần giữ gìn phẩm chất, sự trong sáng của tiếng Việt đồng thời bồi dưỡng tình cảm, lòng yêu quý đối với tiếng mẹ đẻ.

#### **14.31. Môn học: Quản trị tài chính**

- **Tên môn học:** Quản trị tài chính  
**Tên tiếng Anh: Corporate Finance**
- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết:03; Thực hành: 0**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Nguyên lý thị trường tài chính
- Mô tả nội dung môn học: Môn học Quản trị tài chính gồm các phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các chủ đề: nguyên tắc tài chính và cơ chế hoạt động tài chính doanh nghiệp thuộc khối tư nhân, phân tích báo cáo tài chính, lý thuyết rủi ro & lợi nhuận và quyết định hoạch định ngân sách vốn đầu tư và đánh giá hiệu quả dự án đầu tư. Tích hợp trong chương trình Fintech trang bị sinh viên các kỹ năng xử lý đánh giá hiệu quả dự án, tính toán giá trị tiền tệ theo thời gian bằng Python/R

#### **14.32. Môn học: Đường lối cách mạng của ĐCSVN**

- **Tên môn học:** Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam  
**Tên tiếng Anh:** Revolutionary lines of the Vietnam Communist Party
- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết:03; Thực hành: 0**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh. Nội dung môn học gồm 8 chương. Chương 1: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương 2: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương 3: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương 4: Đường lối công nghiệp hoá; chương 5: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương 6: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; chương 7: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; chương 8: Đường lối đối ngoại.

Môn học cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng; giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

#### **14.33. Môn học: Kinh tế quốc tế**

- **Tên môn học:** Kinh tế quốc tế  
**Tên tiếng Anh: International Economy**



- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết:03; Thực hành: 0**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Kinh tế học vi mô 1, Kinh tế học vĩ mô 1
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Ngoài những vấn đề chung về Kinh tế quốc tế, nội dung môn học gồm các nội dung như: Lý thuyết về mậu dịch quốc tế (lý thuyết cổ điển và hiện đại); các hình sách mậu dịch quốc tế (thuế quan, phi thuế quan, liên hiệp thuế quan); mậu dịch quốc tế và phát triển kinh tế. Ở mỗi phần học là các chủ đề nghiên cứu khác nhau nhằm giúp sinh viên hiểu biết sâu sắc hơn các vấn đề về kinh tế học quốc tế.

Môn học cung cấp những kiến thức căn bản cho sinh viên về kinh tế học quốc tế làm cơ sở ứng dụng vào thực tiễn kinh doanh và làm cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu các môn học thuộc lĩnh vực kinh tế đối ngoại và để hoạch định chính sách phát triển quan hệ kinh tế quốc tế của Việt Nam.

#### **14.34. Môn học: Hệ thống thông tin kinh doanh**

- **Tên môn học:** Hệ thống thông tin kinh doanh  
**Tên tiếng Anh: Business information system**
- Số tín chỉ: 02 (**Lý thuyết:01; Thực hành: 01**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Nội dung môn học liên quan đến hệ thống thông tin quản lý như các thành phần cơ bản của hệ thống thông tin; thiết kế cơ sở dữ liệu; xây dựng và phát triển hệ thống thông tin; các hệ thống thông tin cấp chuyên gia và các hệ thống thông tin cấp chức năng; hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định; thương mại điện tử.

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về tổ chức thông tin và hệ thống thông tin; cơ sở công nghệ thông tin của hệ thống thông tin; phân tích, thiết kế cài đặt hệ thống thông tin; hệ thống thông tin phục vụ quản lý doanh nghiệp.

#### **14.35. Môn học: Giới thiệu lập trình Python**

- **Tên môn học:** Giới thiệu lập trình về Python  
**Tên tiếng Anh:** Introduction to Python Program
- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết: 03; Thực hành: 0**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Toán cao cấp
- Mô tả nội dung môn học: Cung cấp các kiến thức nền tảng về máy tính để sinh viên có cơ sở vận hành tốt máy tính và sử dụng những tính năng thông dụng của nó. Điều quan trọng nhất là sinh viên được trang bị các kiến thức và kỹ năng cơ bản về lập trình bằng ngôn ngữ Python để định hướng phát triển các phần mềm ứng dụng phục vụ cho các môn học sau, là cơ sở kiến thức kỹ năng để định hướng phát triển trong xây dựng ứng dụng cho các phần mềm ứng dụng trong công nghệ tài chính

#### **14.36. Môn học: Khai thác dữ liệu cơ bản**

- **Tên môn học:** Khai thác dữ liệu cơ bản  
**Tên tiếng Anh: Basic of data Analytics**
- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết: 02; Thực hành: 01**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:
- Mô tả nội dung môn học: Môn học cung cấp kiến thức nền tảng về khoa học dữ



liệu và phân tích dữ liệu. Giúp người học biết nguyên lý phân tích dữ liệu và thu được những hiểu biết từ chúng. Môn học làm nền tảng cho các môn học về khai thác dữ liệu và dữ liệu lớn hướng đến nhu cầu tạo ra các sản phẩm dữ liệu để giúp phân tích nó. Điều này giúp người học cũng làm công việc của data science nhưng họ không bắt buộc phải biết nhiều về lập trình. Nhưng các data analyst vẫn phải có kiến thức về thống kê và hoạt động kinh doanh. Mặt khác, môn học trang bị cho sinh viên có khả năng đưa ra kết quả của mình dưới dạng báo cáo hoặc một bài thuyết trình dựa trên phân tích dữ liệu.

#### **14.37. Môn học: Kinh tế lượng**

- **Tên môn học:** Kinh tế lượng  
**Tên tiếng Anh:** Ecomometric
- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết:**02; **Thực hành:** 01)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất.
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức tin học – khoa học tự nhiên. Nội dung môn học giới thiệu phương pháp sử dụng các mô hình, dữ liệu và các phép phân tích để giúp sinh viên có khả năng hiểu và mô tả được các hiện tượng của kinh tế xã hội nhằm hoạch định các chính sách / chiến lược có cơ sở khoa học rõ ràng. Cụ thể hơn, môn học sẽ giới thiệu những phương pháp chuẩn để ước lượng các quan hệ giữa những yếu tố kinh tế được quan sát và kiểm định các giả thiết về các quan hệ đó.

Môn học trang bị cho sinh viên có khả năng áp dụng những kiến thức đã học để khảo sát một hiện tượng kinh tế. Trên cơ sở phân tích về mặt lượng mối quan hệ giữa các chỉ tiêu kinh tế dựa vào các số liệu và thông tin thu thập được để vận dụng vào thực tiễn công tác, hỗ trợ việc ra quyết định một cách đúng đắn hơn, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

#### **14.38. Môn học: Thiết kế và bảo mật web**

- **Tên môn học:** Thiết kế và bảo mật web  
**Tên tiếng Anh:** Web programming and security)
- Số tín chỉ: 02 (**Lý thuyết:** 01; **Thực hành:** 01)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:
- Mô tả nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng và cơ bản về : thiết kế web và bảo mật mạng. Đảm bảo sự bảo mật và an toàn cho hệ thống mạng máy tính, truyền thông, mạng nội bộ, hạ tầng cơ sở dữ liệu và thông tin. Kiểm định và đánh giá an ninh, sự an toàn cho toàn hệ thống mạng, website. Đảm bảo an toàn thông tin cho cá nhân, các doanh nghiệp, tổ chức và khối chính phủ.

#### **14.39. Môn học: Thương mại điện tử**

- **Tên môn học:** Thương mại điện tử  
**Tên tiếng Anh:** E-commerce
- Số tín chỉ: 02 (**Lý thuyết:** 01; **Thực hành:** 01)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:
- Mô tả nội dung môn học: sinh viên sẽ được trang bị khối kiến thức về kinh tế, tổ



chức kinh doanh trên mạng Internet, nắm bắt chức năng và vận dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm, khai thác thông tin, đối tác, mở rộng thị trường kinh doanh, nghiệp vụ kinh doanh cụ thể trong giao dịch ký kết hợp đồng mua bán, khai báo hải quan, thanh toán, vận tải và bảo hiểm hàng hóa;... Đặc biệt, các kiến thức về mạng máy tính, an ninh mạng và chữ ký số trong quản trị mạng, bảo mật và bảo toàn thông tin là những nội dung tối quan trọng sinh viên ngành Thương mại điện tử cần tích lũy.

#### 14.40. Môn học: Ngân hàng thương mại

- **Tên môn học:** Ngân hàng thương mại  
**Tên tiếng Anh:** Commercial Banks)
- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết:03; Thực hành: 0**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Nguyên lý thị trường tài chính
- Mô tả nội dung môn học: Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về hoạt động của ngân hàng thương mại từ nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng, nghiệp vụ tín dụng ngân hàng và các nghiệp vụ kinh doanh khác có liên quan nhất là phát triển các loại nghiệp vụ này trên nền tảng công nghệ. Đây là những kiến thức nghiệp vụ cơ bản của ngân hàng thương mại, là nền tảng để sinh viên có thể tiếp cận và hiểu rõ hơn các kiến thức tiếp theo của chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng.

#### 14.41. Môn học: Khai thác dữ liệu

- **Tên môn học:** Khai thác dữ liệu  
**Tên tiếng Anh:** Data Mining
- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết: 01; Thực hành: 02**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Kinh tế lượng, Quản trị tài chính
- Mô tả nội dung môn học: Môn học Khai phá dữ liệu (*data mining*) giúp sinh viên hệ thống hóa và vận dụng quá trình tính toán để tìm ra các mẫu trong các bộ dữ liệu lớn liên quan đến các phương pháp tại giao điểm của máy học, thống kê và các hệ thống cơ sở dữ liệu. Biết khai thác dữ liệu là trích xuất thông tin từ một bộ dữ liệu và chuyển nó thành một cấu trúc dễ hiểu để sử dụng tiếp. Biết xử lý dữ liệu trước, suy xét mô hình và suy luận thống kê, các thước đo thứ vị, các cân nhắc phức tạp, xuất kết quả về các cấu trúc được phát hiện, hiện hình hóa và cập nhật trực tuyến. Tạo ra các "khám phá kiến thức trong cơ sở dữ liệu"

#### 14.42. Môn học: Công nghệ Blockchain

- **Tên môn học:** Công nghệ Blockchain  
**Tên tiếng Anh:** Blockchain Technology
- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết:01; Thực hành: 02**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:
- Mô tả nội dung môn học: Môn học trang bị kiến thức nền tảng về Blockchain, các giải thuật và ứng dụng nó trong lĩnh vực tài chính ngân hàng như:  
**Bitcoin Atom:** Là một nhánh mới của Bitcoin cho phép trao đổi tiền mã hóa dễ dàng mà không tốn phí giao dịch và không thể bị tấn công khi giao dịch, khiến Bitcoin thực sự được phân cấp lại. Công nghệ này dựa trên các hoán đổi nguyên tử (atomic swaps) – được xem là một công cụ vô giá để trao đổi các đồng tiền mã hóa



và không cần phải có một bên thứ ba đáng tin cậy. Nhưng hiện tại, việc áp dụng rộng rãi các giao dịch hoán đổi nguyên tử đã bị ngăn chặn vì chúng đòi hỏi phải có kỹ năng kỹ thuật cao; Bitcoin Atom có thể giải quyết vấn đề này một phần nào đó.

- **Securrency:** Đây là một nền tảng giao dịch tiền mã hóa và một vài loại tài sản, bao gồm cả những tài sản không hoán đổi thành tiền mặt, được trao đổi thông qua token của Securrency. Dự án cho phép tiền mã hóa được giao dịch bên ngoài các giao dịch chuyên dụng của chúng.
- **Ripple:** Ripple nhằm đến việc trở thành một nhà cung cấp giải pháp thanh toán toàn cầu bằng cách kết nối ngân hàng, nhà cung cấp dịch vụ thanh toán, doanh nghiệp và các giao dịch tài sản kỹ thuật số, cho phép giải quyết ngay tức thì, theo nhu cầu trên toàn cầu
- **ABRA:** Là một ứng dụng toàn cầu và ví tiền mã hóa cho phép bạn mua, đầu tư và trữ 20 loại tiền mã hóa, bao gồm Bitcoin, ethereum, litecoin...
- **Aeternity:** Là một nền tảng blockchain có khả năng mở rộng cao này có thể được sử dụng cho bất kỳ ứng dụng nào yêu cầu tốc độ giao dịch cao, bao gồm các hợp đồng thông minh được tạo ra từ các thanh toán chuỗi, nano và vi mô.

#### 14.43. Môn học: Chủ nghĩa xã hội khoa học

- **Tên môn học:** Chủ nghĩa xã hội khoa học  
**Tên tiếng Anh:**
- Số tín chỉ: 02 (**Lý thuyết:02; Thực hành: 0**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học

#### 14.44. Môn học: Tiền tệ - Ngân hàng

- **Tên môn học:** Tiền tệ - Ngân hàng  
**Tên tiếng Anh:**
- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết:03; Thực hành: 0**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Nguyên lý thị trường tài chính
- Mô tả nội dung môn học: Mục tiêu của môn học Tiền tệ – Ngân hàng là nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguyên lý tiền tệ, hệ thống tiền tệ quốc tế, các vấn đề cơ bản về hệ thống ngân hàng bao gồm ngân hàng trung ương và các trung gian tài chính, quá trình cung ứng tiền tệ và nội dung cơ bản về các công cụ chính sách tiền tệ, cầu tiền tệ và vấn đề lạm phát.  
Thông qua môn học, sinh viên sẽ nắm bắt được các vấn đề mang tính lý luận lẫn thực tiễn về quá trình vận hành của hệ thống tiền tệ, nguyên lý và thực tiễn hoạt động của hệ thống ngân hàng và cung cầu tiền tệ. Đây là những kiến thức nền tảng bắt buộc phải nắm vững để tiếp tục học các môn học khác trong chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng như: Ngân hàng thương mại, Kinh doanh ngoại hối, Thị trường quyền chọn, Quản trị ngân hàng thương mại, Ngân hàng trung ương, Tài chính quốc tế.

#### 14.45. Môn học: Gói phần mềm ứng dụng cho tài chính 1

- **Tên môn học:** Gói phần mềm ứng dụng cho tài chính 1  
**Tên tiếng Anh: Program backage for Finance 1**



- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết: 02; Thực hành: 01**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Quản trị tài chính, Kinh tế lượng
- Mô tả nội dung môn học: Môn học cung cấp các gói phần mềm ứng dụng và thực hành viết code các mô hình tài chính cơ bản thuộc các kiểu dữ liệu time series và panel. Đây là môn học cốt lõi áp dụng gói phân tích, đánh giá từ các mô hình định lượng được thực hành trên ngôn ngữ Python

#### 14.46. Môn học: Công nghệ Tiền điện tử và hệ thống thanh toán điện tử

- **Tên môn học:** Công nghệ Tiền điện tử và hệ thống thanh toán điện tử  
**Tên tiếng Anh:** E-payment system & Cryptocurrency Technologies
- Số tín chỉ: 02 (**Lý thuyết:02; Thực hành: 0**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Ngân hàng thương mại
- Mô tả nội dung môn học: Môn học trang bị cho viên viên các loại tiền điện tử và hệ thống giao dịch điện tử. Khả năng thiết kế, phát triển và vận hành hệ thống thanh toán tiền điện tử, tạo ra các tiện ích cho doanh nghiệp và khách hàng cũng như khả năng bảo mật hệ thống thanh toán điện. **Biết sử dụng một mạng lưới phân phối để cho phép hệ thống giao dịch p2p (peer-to-peer), giao dịch ngang hàng mà không cần đến các bên thứ ba.** Để đảm bảo sự an toàn, mật mã sử dụng các thuật toán toán học và một số cái công khai. Đảm bảo mọi giao dịch đều hợp pháp, phương trình toán học phức tạp được sử dụng để liên kết mỗi tài khoản với số tiền thực mà chủ tài khoản muốn chi tiêu.

#### 14.47. Môn học:Marketing dịch vụ tài chính

- **Tên môn học:** Marketing dịch vụ tài chính  
**Tên tiếng Anh:** Financial Marketing
- Số tín chỉ: 02 (**Lý thuyết: 02; Thực hành: 0**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Marketing căn bản
- Mô tả nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức về Marketing dịch vụ được sử dụng trong quá trình kinh doanh giữa doanh nghiệp với người dùng cuối (B2C) và giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp (B2B), bao gồm các dịch vụ như viễn thông, tài chính, giải trí, cho thuê xe du lịch, chăm sóc sức khỏe, và dịch vụ thương mại. Các marketer dịch vụ thường sử dụng mô hình marketing mix mở rộng bao gồm 7P: sản phẩm (product), giá cả (price), địa điểm (place), quảng bá (promotion), con người (people), yếu tố vật lý (physical evidence) và quy trình (process). Một cách tiếp cận hiện đại khác là “service-dominant logic” (Logic S-D), cho rằng việc phân định ranh giới giữa các sản phẩm và dịch vụ tồn tại trong suốt thế kỷ 20 là giả tạo và đã che giấu đi một sự thật rằng ai cũng có dịch vụ sẵn sàng đem bán. Việc tiếp cận logic S-D đang thay đổi cách các marketer hiểu về việc tạo ra giá trị và khái niệm về vai trò của người tiêu dùng trong các quá trình phân phối dịch vụ.

#### 14.48. Môn học: Tài chính quốc tế

- **Tên môn học:** Tài chính quốc tế  
**Tên tiếng Anh:** International Finance
- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết: 03; Thực hành: 00**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:



- Mô tả nội dung môn học: Môn học cung cấp các kiến thức nền tảng về tài chính quốc tế như cán cân thanh toán quốc gia, các lý thuyết kinh doanh chênh lệch, lý thuyết PPP, hiệu ứng Fisher, các chính sách tỷ giá và các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ giá, lạm phát,... Bên cạnh sinh viên có thể biết các mô hình đánh giá và xếp hạng rủi ro quốc gia và áp dụng Python/R vào xếp hạng tín nhiệm quốc gia

#### **14.49. Môn học: Gói phần mềm ứng dụng cho tài chính 2**

- **Tên môn học:** Gói phần mềm ứng dụng cho tài chính 2  
**Tên tiếng Anh:** Program package for Finance 2
- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết:03; Thực hành: 0**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Gói phần mềm ứng dụng cho tài chính 2
- Mô tả nội dung môn học: Môn học cung cấp các gói phần mềm ứng dụng và thực hành viết code các mô hình tài chính cơ bản và nâng cao thuộc các kiểu dữ liệu trong tài chính. Thông qua môn học, sinh viên có thể sử dụng ngôn ngữ lập trình để phân tích dữ liệu, phân tích các vấn đề về giá tài và tính toán rủi ro tài sản trên thị trường. Ngôn ngữ được sử dụng trong môn học là Python. Python là một trong những ngôn ngữ hiện nay được áp dụng phổ biến tính toán trên nền dữ liệu lớn (big data) có tập hợp kiểu đa dạng và phức tạp bởi lý do đây là ngôn ngữ lai tạp giữa thống kê, lập trình, truy vấn dữ liệu và xử lý dữ liệu nên về thiết kế nó có thể lập trình được (gồm các hàm và biến), vừa có thể truy vấn và xử lý dữ liệu được (gồm bảng, vector, matrix), vừa có thể vẽ đồ thị, hồi qui model và lưu trữ kết quả hồi qui (gồm các list, function).

#### **14.50. Môn học: Quản trị rủi ro tài chính**

- **Tên môn học:** Quản trị rủi ro tài chính  
**Tên tiếng Anh: Financial Risk Management**
- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết: 02; Thực hành: 01**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:  
Mô tả nội dung môn học: Môn học được cấu trúc bao gồm các chương cung cấp những kiến thức cơ bản và nền tảng về rủi ro và phương pháp đánh giá, quản trị rủi ro trong lĩnh vực tài chính. Đây là môn học nền tảng bổ trợ kiến thức cho các môn chuyên ngành như: quản trị tài chính, đầu tư tài chính, thông qua môn học sẽ giúp ích sinh viên trong xây dựng các phương pháp và mô hình phân tích rủi ro, hiểu rõ và có khả năng áp dụng viết code kết hợp dữ liệu lớn để đưa ra các quyết định đầu tư tối ưu

#### **14.51. Môn học: Máy học và trí tuệ nhân tạo**

- **Tên môn học:** Máy học và trí tuệ nhân tạo
- **Tên tiếng Anh: Machine Learning & AI for finance**
- Điều kiện môn trước: Python cơ bản, Python trong tài chính
- Mô tả môn học: Học máy là một loại trí tuệ nhân tạo (AI) cung cấp cho máy tính khả năng học mà không cần lập trình rõ ràng. Khu vực này cũng liên quan đến các vấn đề cả về lý thuyết và thực tiễn. Trong môn học này, chúng tôi sẽ trình bày các thuật toán và cách tiếp cận theo cách đặt chúng vào các hệ thống lớn hơn khi bạn tìm hiểu về nhiều chủ đề khác nhau, bao gồm: phương pháp học tập có giám sát và không giám sát, thuật toán tìm kiếm ngẫu nhiên, Phương pháp học Bayes, học tăng cường. Khóa học cũng bao gồm các khái niệm lý thuyết như thiên vị quy nạp,



khung học tập ràng buộc PAC và Sai lầm, nguyên tắc độ dài mô tả tối thiểu. Để xây dựng các phương pháp này, môn học bao gồm một số chương trình và sự tham gia vào một số dự án.

#### **14.52. Kiến tập**

- **Tên môn học:** Kiến tập  
**Tên tiếng Anh:**
- Số tín chỉ: 02 (**Lý thuyết:02; Thực hành: 0**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không

#### **14.53. Môn học: Đạo đức trong Fintech**

- **Tên môn học:** Đạo đức trong Fintech  
**Tên tiếng Anh: Ethics in Fintech**
- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết: 03; Thực hành: 0**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:  
Mô tả nội dung môn học: Môn đạo đức trong Fintech cung cấp các kiến thức giúp người học có được niềm tin của công chúng cũng như mang lại lợi ích cho các bên liên quan trong điều kiện kinh doanh và quản lý trên nền tảng công nghệ. Môn học truyền đạt các chuẩn mực đạo đức chủ yếu của Viện CFA trong điều kiện phát triển các ứng dụng trên nền tảng công nghệ. Bằng việc dẫn chứng các vụ bê bối tài chính, môn học nêu bật tầm quan trọng của các chuẩn mực đạo đức trong hoạt động tài chính và cho các cử nhân công nghệ tài chính tương lai

#### **14.54. Môn học: Khởi nghiệp trong Fintech**

- **Tên môn học:** Khởi nghiệp trong Fintech  
**Tên tiếng Anh: Entrepreneurship in Fintech**
- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết: 02; Thực hành: 01**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:
- Mô tả nội dung môn học: Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng tư duy cần thiết trong thiết kế, xây dựng và triển khai các dự án khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ tài chính trên nền tảng tạo ra các sản phẩm, dự án trên nền tảng công nghệ mang tính đổi mới, sáng tạo

#### **14.55. Môn học: Đầu tư tài chính**

- **Tên môn học:** Đầu tư tài chính  
**Tên tiếng Anh: Investment**
- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết: 02; Thực hành: 01**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:
- Mô tả nội dung môn học: Môn học Đầu tư tài chính gồm các chương cung cấp những kiến thức về các lý thuyết đầu tư hiện đại, định giá và quản trị danh mục đầu tư cổ phiếu, trái phiếu và quyền chọn và các sản phẩm tài chính công nghệ. Sinh viên được cung cấp kiến thức và công cụ đo lường đánh giá rủi ro đầu tư và các mô hình xác định tỷ suất sinh lời yêu cầu trên cơ sở đo lường định lượng rủi ro của khoản đầu tư; thực hành tổng hợp các kiến thức quản trị tài chính, nguyên lý thị trường tài chính để định giá cổ phiếu, trái phiếu và quyền chọn; kiến thức về đánh giá hiệu quả hoạt động của danh mục đầu tư.



#### **14.56. Môn học: Phân tích dữ liệu lớn**

- **Tên môn học:** Phân tích dữ liệu lớn  
**Tên tiếng Anh:** Big Data analytics
- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết:** 02; **Thực hành:** 01)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:
- Mô tả nội dung môn học: Môn học cung cấp kiến thức nền tảng về dữ liệu lớn, là một dạng dữ liệu được khai thác và ứng dụng mang lại chất phức tạp và kinh doanh toàn cầu. Các dữ liệu trên Internet, Facebook,... cũng là một trong những nguồn của Big Data. Từ lượng dữ liệu khổng lồ này giúp cho các nhà nghiên cứu biết được hành vi tiêu dùng của khách hàng, từ đó tinh chỉnh những thiết bị Internet of Things cho phù hợp hơn, tạo ra các sản phẩm kinh doanh lớn, hiệu quả, phục vụ đời sống hằng ngày của chúng ta một cách hiệu quả hơn. Nó cũng có thể được dùng cho việc sản xuất, từ đó giảm sự liên quan của con người.

#### **14.57. Môn học: Ngân hàng số**

- **Tên môn học:** Ngân hàng số  
**Tên tiếng Anh:** Digital Banking
- Số tín chỉ: 02 (**Lý thuyết:** 02; **Thực hành:** 0)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:  
Mô tả nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về ngân hàng số bên cạnh các sản phẩm dịch vụ ngân hàng truyền thống, dựa trên digital banking sinh viên có khả năng tạo ra kênh phân phối, sản phẩm, dịch vụ và môi trường cạnh tranh khác biệt. Giúp người dùng có thể dễ dàng thực hiện các giao dịch với thời gian tối ưu trên điện thoại di động. Biết thực hiện quy trình số hóa các điểm tiếp xúc khách hàng; đẩy mạnh công nghệ số dành cho sản phẩm, dịch vụ, đáp ứng nhu cầu và tăng giá trị cho khách hàng về lâu dài.

#### **14.58. Môn học: Phân tích kinh doanh**

- **Tên môn học:** Phân tích kinh doanh  
**Tên tiếng Anh:** Business Analysis
- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết:** 02; **Thực hành:** 01)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:
- Mô tả nội dung môn học: Môn học cung cấp kiến thức, cách thức và tư duy phân tích kinh doanh (Business Analyst). Cung cấp kỹ năng phân tích, và phải sản xuất ra các giải pháp, biết xác định những gì cần phải được thực hiện, người phải đối mặt với khách hàng và dành thời gian của họ trong lĩnh vực giải quyết vấn đề kinh doanh, thu thập thông tin từ cộng đồng doanh nghiệp, phân tích các thông tin, biểu đồ thông tin, và sản xuất các giải pháp kinh doanh.

#### **14.59. Môn học: Crowd market (Funding)**

- **Tên môn học:** Crowd Funding  
**Tên tiếng Anh:**
- Số tín chỉ: 03 (**Lý thuyết:** 02; **Thực hành:** 01)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:

- Mô tả nội dung môn học: Môn học cung cấp các kiến thức nền tảng dưới phát triển công nghệ, sự phát triển của kinh tế chia sẻ (sharing economy) và sự phát triển của thị trường cộng đồng (crowd market). Việc kinh doanh trên nền tảng công nghệ dưới tác động của nền kinh tế chia sẻ đã phát sinh các hình thức kinh doanh, đầu tư và huy động vốn nhanh chóng, hiệu quả, ít tốn kém chia phí, tạo ra năng suất lao động cao hơn. Các hình thức gọi vốn công chúng (crowd funding), cho vay ngang hàng (P2P lending),... đã và đang phát triển. Môn học ngoài trang bị kiến thức còn bổ sung các kỹ năng về gọi vốn, cho vay, kinh doanh,... dưới nền tảng công nghệ.

#### **14.60. Môn học: Robotic process automation**

- **Tên môn học:** Robotic process automation  
**Tên tiếng Anh:**
- Số tín chỉ: 02 (**Lý thuyết:02; Thực hành: 0**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Môn học RPA và ứng dụng gồm 7 chương cung cấp những kiến thức cơ bản về RPA và qui trình phát triển các ứng dụng RPA trong doanh nghiệp. Cụ thể, phương pháp lập kế hoạch dự án và một số qui trình phát triển các ứng dụng RPA với UIPath được triển khai ở môn học này. Ngoài ra, một số các nghiệp vụ phổ biến trong kinh doanh sẽ được mô tả và ứng dụng để minh họa cho các khối kiến thức đã học.  
Một số các bài tập tình huống, các dự án đơn giản nhằm triển khai ứng dụng RPA trong các nghiệp vụ kinh doanh của doanh nghiệp sẽ được đưa ra. Sinh viên dự kiến sẽ áp dụng kiến thức đã học để nắm bắt, giải quyết các vấn đề dựa trên các tình huống thực tiễn trong việc áp dụng tự động hóa quy trình nghiệp vụ và cách sử dụng phần mềm để đạt được kết quả.

#### **14.61. Thực tập tốt nghiệp**

- **Tên môn học:** Thực tập tốt nghiệp  
**Tên tiếng Anh: Internship**
- Số tín chỉ: 04 (**Lý thuyết: 0; Thực hành: 4**)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước:
- Mô tả nội dung môn học: Sinh viên thực tập, tìm hiểu sản phẩm dịch vụ tại các đơn vị tài chính, ngân hàng, hay các công ty Fintech nắm bắt quy trình, cách thức nghiên cứu tạo ra các sản phẩm công nghệ thay thế các sản phẩm truyền thống, tìm hiểu về tính đổi mới, sáng tạo và áp dụng Fintech tại đơn vị mình thực tập và viết báo cáo

#### **14.62. Khóa luận tốt nghiệp**

- **Tên môn học:** Khóa luận tốt nghiệp  
**Tên tiếng Anh: Graduation thesis**
- Số tín chỉ: 06
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Hoàn thành tất cả các môn học và tích lũy được 124 Tín chỉ toàn Khóa với kết quả học tập trung bình tối thiểu đạt từ loại Khá trở lên; đồng thời đáp ứng các yêu cầu khác theo quy định của trường Đại học Kinh tế - luật và Khoa Tài chính –Ngân hàng.



- Mô tả nội dung môn học: sinh viên làm đồ án tốt nghiệp dưới dạng phân tích, đánh giá từ các dữ liệu nghiên cứu, khám phá dữ liệu, phân tích dữ liệu lớn, đề xuất, đưa ra sáng kiến áp dụng công nghệ vào trong xây dựng, thiết kế sản phẩm ứng dụng hoặc xây dựng, thiết kế đề án khởi nghiệp dựa trên nền tảng sản phẩm công nghệ đề xuất

#### **14.63. Tiếng Anh thương mại 1, 2, 3, 4**

- **Tên môn học:** Tiếng Anh thương mại 1, 2, 3, 4  
**Tên tiếng Anh:** Commercial English 1, 2, 3, 4
- Số tín chỉ: 20 (**Lý thuyết:**16; **Thực hành:** 4)
- Điều kiện tiên quyết/Môn học trước: Không
- Mô tả nội dung môn học: Môn học thuộc khối kiến thức ngoại ngữ không chuyên. Nội dung môn học gồm 3 khối kiến thức. Mỗi khối kiến thức gồm có các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để khi ra trường sinh viên có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong môi trường làm việc. Thông qua các kỹ năng về ngôn ngữ và các hoạt động đa dạng trong lớp, trang bị cho người học các kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh (business communication skills) là phần thuộc về các kỹ năng mềm (soft skills) rất cần để có thể làm việc có hiệu quả trong môi trường thương mại.

Mục tiêu của môn học gồm các khối kiến thức sau:

- + Khối kiến thức cơ bản 1: Trang bị các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cơ bản để có thể giao tiếp đơn giản ở môi trường làm việc. Trình độ sơ cấp, hướng đến tương ứng với mức trình độ CEFR A2.
- + Khối kiến thức cơ bản 2: Phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết lên mức có thể giao tiếp một cách độc lập trong một số tình huống hạn chế. Trình độ sơ trung cấp, hướng đến tương ứng với mức trình độ CEFR B1+.
- + Khối kiến thức anh văn thương mại: Phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết lên mức có thể giao tiếp một cách độc lập trong một số tình huống thương mại. Trình độ trung cấp, hướng đến tương ứng với TOEIC 500 hoặc tương đương.

## 15. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo:

### 15.1. Danh sách giảng viên cơ hữu gắn đúng ngành đào tạo (Bảng 7):

Ngành công nghệ tài chính được Bộ GD&ĐT công nhận là ngành mới và chỉ mới cấp mã ngành đào tạo tại đại học 7340208 từ tháng 3/2021, do đó chưa thể có đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ cùng ngành.

Số thạc sĩ, tiến sĩ các ngành gần với công nghệ tài chính gồm 11 tiến sĩ, 12 thạc sĩ ngành tài chính - ngân hàng và công nghệ thông tin đáp ứng các điều kiện tại Điểm e, khoản 2, Điều 2 của Thông tư số 22/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017. Các giảng viên này đều có kinh nghiệm giảng dạy trình độ đại học ít nhất 5 năm; và có 2 công trình khoa học thuộc lĩnh vực Công nghệ tài chính công bố trong 05 năm tính đến ngày UEL đăng ký mở ngành đào tạo Công nghệ tài chính.

Chi tiết cụ thể gồm:

Stt	Họ tên	Năm sinh	Chức danh khoa học	Văn bằng cao nhất	Kinh nghiệm giảng dạy	Số công trình nghiên cứu	Thống kê công trình
1	Nguyễn Anh Phong (*)	1977	PGS	Tiến sĩ	15 năm	35	10 đầu sách xuất bản trong nước, 16 bài báo quốc tế, 6 bài báo trong nước và 3 bài báo đăng trên Kỷ yếu hội nghị quốc tế
2	Hoàng Công Gia Khánh (*)	1974	PGS	Tiến sĩ	20 năm		
3	Nguyễn Thị Cảnh	1954	GS	Tiến sĩ KTTTCNH	40 năm	161	16 sách chuyên khảo, 7 giáo trình, 116 bài báo tạp chí trong nước và 22 bài tạp chí quốc tế
4	Trần Hùng Sơn	1981	PGS	Tiến sĩ	16 năm	49	11 đầu sách xuất bản trong nước, 28 bài báo tạp chí trong nước, 4 bài báo đăng trên kỷ yếu hội nghị quốc tế và 6 bài báo đăng trên kỷ yếu hội nghị trong nước



5	Phạm Đức Chính	1959	PGS	Tiến sĩ			
6	Nguyễn Tiến Dũng	1962	PGS	Tiến sĩ			
7	Phan Đức Dũng	1969	PGS	Tiến sĩ			
8	Nguyễn Chí Hải	1962	PGS	Tiến sĩ			
9	Lê Vũ Nam	1969	PGS	Tiến sĩ			
10	Dương Anh Sơn	1964	PGS	Tiến sĩ			
11	Lê Anh Vũ	1959	PGS	Tiến sĩ			
12	Trịnh Quốc Trung		PGS	Tiến sĩ			
13	Lê Đức Quang Tú	1987		Tiến sĩ	5 năm	20	14 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế và 6 bài báo đăng trên kỷ yếu hội nghị quốc tế
14	Thân Ngọc Minh	1971		Tiến sĩ	2 năm	5	5 bài báo công bố trên tạp chí trong nước
15	Tô Thị Thanh Trúc	1976		Thạc sĩ	20 năm	17	4 đầu sách xuất bản, 2 bài báo đăng trên tạp chí trong nước và 11 bài báo đăng trên kỷ yếu hội nghị trong nước
16	Nguyễn Thị Diễm Hiền	1976		Thạc sĩ	20 năm	38	6 đầu sách xuất bản trong nước, 11 bài báo đăng trên tạp chí trong nước 1 bài báo đăng trên kỷ yếu hội nghị quốc tế và 20 bài báo đăng trên kỷ yếu hội nghị trong nước
17	Nguyễn Thanh Liêm (*)	1985		Tiến sĩ	5 năm	47	8 đầu sách xuất bản trong nước, 16 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế, 8 bài báo đăng tạp chí trong nước, 4 bài báo đăng trên kỷ yếu hội nghị quốc tế và 11

							bài báo đăng trên kỷ yếu hội nghị trong nước
18	Võ Đình Vinh (*)	1986		Tiến sĩ	12 năm	3	2 bài báo đăng trên kỷ yếu hội nghị quốc tế và 1 bài báo đăng trên kỷ yếu hội nghị trong nước
19	Lê Hoàng Vinh (*)	1982		Tiến sĩ	18 năm	5	5 bài báo đăng trên tạp chí trong nước.
20	Nguyễn Hoàng Anh	1986		Tiến sĩ	5 năm	12	6 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế, 2 bài báo đăng trên tạp chí trong nước, 2 bài báo đăng trên kỷ yếu hội nghị quốc tế và 1 bài báo đăng trên kỷ yếu hội nghị trong nước
21	Nguyễn Thị Khoa	1969		Tiến sĩ			
22	Nguyễn Thị Bích Ngoan	1979		Tiến sĩ			
23	Phạm Hoàng Uyên	1976		Tiến sĩ			
24	Nguyễn Phúc Sơn	1980		Tiến sĩ			
25	Hồ Trung Thành (*)	1975		Tiến sĩ			
26	Lê Hoàn Sứ (*)	1978		Tiến sĩ			
27	Phạm Chí Khoa (*)	1987		Thạc sĩ	10 năm	5	4 đầu sách xuất bản trong nước và 1 bài báo đăng trên kỷ yếu hội nghị trong nước
28	Ngô Phú Thanh (*)	1987		Thạc sĩ	5 năm	22	1 đầu sách xuất bản quốc tế, 2 đầu sách xuất bản trong nước, 7 bài báo quốc tế, 4 bài báo trên tạp chí trong nước, 6 bài báo đăng trên kỷ yếu hội nghị quốc tế và 2 bài báo đăng trên kỷ



							yếu hội nghị trong nước
29	Phan Huy Tâm(*)	1989		Thạc sĩ	3 năm	3	1 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế và 2 bài báo đăng trên kỷ yếu hội nghị trong nước
30	Nguyễn Thị Hai Hằng (*)	1986		Thạc sĩ	12 năm	11	2 đầu sách xuất bản trong nước, 1 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế, 1 bài báo đăng trên tạp chí trong nước và 7 bài báo đăng trên kỷ yếu hội nghị trong nước
31	Nguyễn Thị Ngân	1991		Thạc sĩ	8 năm		
32	Hồ Thị Hồng Minh	1987		Thạc sĩ	10 năm	11	2 đầu sách xuất bản trong nước, 1 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế, 2 bài báo đăng trên tạp chí trong nước, 1 bài báo đăng trên kỷ yếu hội nghị quốc tế và 5 bài báo đăng trên kỷ yếu hội nghị trong nước
33	Nguyễn Hải Yến	1988		Thạc sĩ		4	3 bài báo đăng trên tạp chí trong nước và 1 bài báo đăng trên kỷ yếu hội nghị trong quốc tế
34	Lê Hải Yến			Thạc sĩ			
35	Hoàng Thọ Phú	1971		Thạc sĩ		9	9 bài báo đăng trên kỷ yếu hội nghị trong nước
36	Nguyễn Duy Hiệp			Thạc sĩ			
37	Nguyễn Khánh Trung	1975		Thạc sĩ			
38	Nguyễn Duy Thanh	1983		Thạc sĩ			

39	Lê Hải Nam	1982		Thạc sĩ			
----	------------	------	--	---------	--	--	--

*Ghi chú: Đội ngũ giảng viên tốt nghiệp chuyên ngành tài chính-ngân hàng và công nghệ thông tin; đã qua các khóa học chuyên sâu về công nghệ, khoa học dữ liệu đã được cấp các chứng chỉ đào tạo trong nước và quốc tế hoặc có tham gia nghiên cứu trong lĩnh vực Fintech*

*. Trong đó (\*) là đội ngũ GV trực tiếp tham gia giảng dạy chính củ a ngành Công nghệ tài chính*



**15.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các môn học trong chương trình đào tạo (Bảng 9)**

Số TT	Họ tên	Năm sinh	Chức danh khoa học, năm phong	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Năm được cấp bằng, CSĐT cấp bằng	Kinh nghiệm giảng dạy (*)	Khoa, bộ môn, cơ sở đào tạo đang công tác	Môn học sẽ giảng dạy (bổ sung số thứ tự của môn học sau tên môn học)
1	Đinh Thị Điều	1957	GVC, 2000	ThS, Lịch sử Đảng	1996, HVCT Quốc Gia HCM	35	Học viện chính trị khu vực II	Đường lối cách mạng của ĐCSVN (4) Tư tưởng HCM (5)
2	Phạm Khánh Bằng			ThS,			Học viện hành chính khu vực II	Đường lối CM ĐCSVN (4) Tư tưởng HCM (5)
3	Nguyễn Ánh Tuyết			ThS, Tâm lý học, Khoa học giao tiếp				Tâm lý học (6)
4	Nguyễn Thị Như Thủy						ĐH SPKT	Xã hội học (10)
5	Nguyễn Ngọc Thơ			TS, Xã hội học			ĐH Khoa học XH & NV	Văn hóa học (11)
6	Trần Nam Tiến		PGS. 2013	TS, Sử học	2009, Việt Nam		ĐH Khoa học XH & NV	Địa chính trị thế giới (12)
7	Đào Minh Hồng			TS,			ĐH Khoa học XH & NV	Quan hệ quốc tế (13)
8	Nguyễn Trung Hiếu			TS			ĐH Khoa học XH & NV	Logic học (19)
9	Lê Trung Thành	1977	GV	TS	2013		ĐH Việt Đức	

Số TT	Họ tên	Năm sinh	Chức danh khoa học, năm phong	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Năm được cấp bằng, CSDT cấp bằng	Kinh nghiệm giảng dạy (*)	Khoa, bộ môn, cơ sở đào tạo đang công tác	Môn học sẽ giảng dạy (bổ sung số thứ tự của môn học sau tên môn học)
10	Lê Thị Kim Xuân	1957		TS			Hiệp hội NH	
11	Phạm Phú Quốc	1971	GV	TS			ĐH Kinh tế	
12	Vương Đức Hoàng Quân	1967		PGS,TS			Viện Kinh tế	
13	Nguyễn Ngọc Huy	1971		TS			Quỹ VNU	
14	Nguyễn Hồng Thắng	1966		PGS,TS			ĐH Kinh tế	
15	Trương Quang Thông	1965		PGS,TS			ĐH Kinh tế	
16	Mai Hoàng Bảo Ân			TS			Viện JVN	
17	Lương Vũ Ngọc Duy			TS			Viện JVN	
18	Nguyễn Hải Quân			TS			ĐHTN	
19	Đỗ Phúc			PGS,TS			ĐHTN	

**Ghi chú:** (\*) Kinh nghiệm giảng dạy bằng tiếng nước ngoài (nơi giảng dạy, thời gian, loại ngôn ngữ, tên môn học giảng dạy)





### 15.3. Kế hoạch đào tạo, tuyển dụng giảng viên

Để đảm bảo lực lượng giảng viên cơ hữu chuyên ngành Công nghệ tài chính, Trường Đại học Kinh tế - Luật dự kiến tuyển dụng thêm 3 giảng viên chuyên ngành trong 3 năm đầu kể từ khi tuyển sinh. Cụ thể như sau:

**Bảng 10. Kế hoạch đào tạo, tuyển dụng giảng viên**

Số TT	Chuyên ngành	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Tổng
1	Tài chính-Ngân hàng có kinh nghiệm về Fintech hoặc có bằng cấp về công nghệ thông tin và tài chính	1	1	1	3

### 16. Danh sách cố vấn học tập (Bảng 11)

STT	Họ và tên	Chức danh KH, học vị	Ngành, chuyên ngành	Vị trí công tác
1	Nguyễn Anh Phong	PGS.TS	TCNH	Trưởng khoa
2	Hoàng Thọ Phú	ThS	TCNH	Giảng viên
3	Thân Ngọc Minh	TS	TCNH	Giảng viên
4	Nguyễn Hoàng Anh	TS	TCNH	Giảng viên
5	Tô Thị Thanh Trúc	ThS	TCNH	Phó Trưởng khoa
6	Nguyễn Thị Diễm Hiền	ThS	TCNH	Phó phụ trách BM Ngân hàng
7	Phan Huy Tâm	ThS	TCNH	Giảng viên
8	Hồ Thị Hồng Minh	ThS	TCNH	Giảng viên

9	Nguyễn Thị Hai Hằng	ThS	TCNH	Giảng viên
10	Nguyễn Thị Ngân	ThS	TCNH	Giảng viên
11	Nguyễn Hải Yến	ThS	TCNH	Giảng viên
12	Phạm Chí Khoa	ThS	TCNH	Giảng viên
13	Nguyễn Duy Hiệp	ThS	TCNH	Giảng viên
14	Lê Đức Quang Tú	TS	TCNH	Giảng viên
15	Lê Hoàng Vinh	TS	TCNH	Giảng viên
16	Nguyễn Thị Hải Yến	ThS	TCNH	Giảng viên

## 17. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

### 17.1. Phòng học

Trường Đại học Kinh tế - Luật có cơ sở chính tại phường Linh Xuân, quận Thủ Đức nằm trong Khu đô thị ĐHQG-HCM. Trường có tổng diện tích đất là 17,12 ha, với tổng diện tích đất sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường là 30.323 m<sup>2</sup>. Trong đó, tòa nhà điều hành và học tập có tổng diện tích 13000m<sup>2</sup> gồm 70 phòng học, 2 thư viện, 6 phòng máy tính, 11 phòng học ngoại ngữ, 3 phòng thực hành và các văn phòng làm việc và tòa nhà KTL.B1 được đưa vào sử dụng năm 2017 với 28 phòng học (năm 2018 cải tạo tầng 5 thêm 5 phòng học chất lượng cao thành 33 phòng), sảnh tự học, khu tự học, phòng kỹ thuật và các công trình phụ trợ. Như vậy tổng số phòng học lý thuyết của Trường hiện nay là 113 phòng. Phân loại các phòng học chi tiết của Trường xem Bảng 9 dưới đây.

**Bảng 12. Thống kê phòng học lý thuyết**

STT	Loại phòng	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	19
2	Phòng học từ 100-200 chỗ	31



3	Phòng học từ 50-100 chỗ	40
4	Số phòng học dưới 50 chỗ	17
5	Số phòng học đa phương tiện	6
	<b>Tổng cộng</b>	<b>113</b>

Toàn bộ các phòng học lý thuyết đều có trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu và bảng trượt. Các phòng học chuyên đề, phòng học chương trình Chất lượng cao và Cử nhân tài năng được lắp đặt máy điều hòa không khí. Tổng số phòng học chất lượng cao gồm 24 phòng: A401, A402, A501, A604, A701, A702, A704, A801, A802, A803, A804, A806, A807, A811, A812, A813, A901, A902, B501, B502, B503, B504, B505, B506 được kết nối internet tốc độ cao với đầy đủ các thiết bị hiện đại như máy lạnh trung tâm Mitsubishi, máy chiếu có độ nét cao, bảng từ, Flipchart, hệ thống âm thanh chuẩn cho giảng dạy và học tập.

Ngoài ra, Trường Đại học Kinh tế - Luật còn có hội trường lớn 2.100 m<sup>2</sup> với sức chứa 500 chỗ ngồi. Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin được trang bị hiện đại đủ điều kiện đáp ứng tốt nhu cầu học tập và nghiên cứu. Trường còn đầu tư hoàn thiện toàn bộ Wifi miễn phí với đường truyền Fiber, hệ thống thư viện khoảng 120 chỗ ở phòng học Hoa Sen và thư viện lầu 2 với tổng diện tích 740 m<sup>2</sup> sàn... cùng các trang thiết bị phần cứng như máy chủ, hệ thống lưu trữ, sao lưu dữ liệu... Các chương trình đào tạo của Trường còn được sử dụng chung hệ thống cơ sở vật chất như sân bóng chuyên, cầu lông, bóng rổ, cantin... Sinh viên của Trường được sử dụng phòng máy tính, các phòng thực hành mô phỏng và được trang bị phòng tự học cũng như được hỗ trợ chỗ ở trong ký túc xá của ĐHQG-HCM

### 17.2. Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính

Về phòng thực hành thực tập, Trường Đại học Kinh tế - Luật có 6 phòng máy tính, 11 phòng học ngoại ngữ, 3 phòng thực hành. Trong đó 6 phòng máy tính với 412 máy tính nối mạng phục vụ việc học chuyên đề, trang bị máy tính có cấu hình và phần mềm phù hợp với nhu cầu đào tạo. Thống kê trang thiết bị các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị được trình bày chi tiết ở Bảng 10 và Bảng 11.

**Bảng 13. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị**

STT	Tên	Các trang thiết bị chính	Số lượng
1	Phòng thực	Máy tính	90

STT	Tên	Các trang thiết bị chính	Số lượng
	hành ngoại ngữ	Máy chiếu	02
		Màn chiếu	02
		Máy lạnh	04
		Bàn	90
		Ghế	90
		Micro	04
		Headphone	90
		Phần mềm Lab ngoại ngữ và giáo trình tích hợp Sanako	02
2	Phòng thực hành tin học	Máy tính	90
		Máy chiếu	02
		Màn chiếu	02
		Máy lạnh	04
		Bàn	90
		Ghế	90
		Micro	04
		Headphone	90
		Phần mềm tin học	04
3	Phòng BI Lab	Máy tính	51
		Máy chiếu	02
		Màn chiếu	02
		Máy lạnh	03
		Bàn	45
		Ghế	45
		Micro	02
		Tai nghe có Micro	55
		Máy in	01
		Máy scan	01
		Thiết bị chuyên mạch cho máy tính	02
		Hệ thống hội nghị truyền hình	01
		Phần mềm SAP Business One	01
4	Phòng thực hành luật	Bàn thẩm phán	03
		Ghế thẩm phán	06
		Bàn	20
		Ghế ngồi	80
5	Phòng mô phỏng thị trường tài chính	Máy tính	40
		Máy chiếu	03
		Màn chiếu	01



STT	Tên	Các trang thiết bị chính	Số lượng
		Máy lạnh	02
		Bàn	45
		Ghế	45
		Headphone	45
		Phần mềm Thomson Reuters	01
		Phần mềm Rotman Intetactive Trader (RIT)	01
		Phần mềm xử lý dữ liệu tài chính Matlab 2015a	01
		Phần mềm kinh tế lượng Eviews	05
		Phần mềm ước lượng các mô hình tài chính Stata	01
		Hệ thống hội nghị truyền hình	01
		Tivi	01

**Bảng 14. Xưởng thực tập, thực hành**

Số TT	Tên phòng thí nghiệm, địa điểm	Đơn vị chủ quản	Môn học	Diện tích	Số thiết bị thí nghiệm chuyên dùng (tên các thiết bị, thông số kỹ thuật, năm sản xuất, nước sản xuất)	Ghi chú
1	Phòng thực hành ngoại ngữ	UEL	Tiếng Anh thương mại 1,2,3,4 Tiếng Anh chuyên ngành du lịch		Xem Bảng 10	
2	Phòng thực hành tin học	UEL	Tin học ứng dụng Hệ thống thông tin kinh doanh Kinh tế lượng		Xem Bảng 10	
3	Phòng BI Lab	UEL	<b>Kỹ năng thuyết trình du lịch</b> <b>Quản lý và tổ chức sự kiện du lịch</b>		Xem Bảng 10	
4	Phòng mô phỏng thị trường tài chính	UEL	<b>Đề án khởi nghiệp</b>		Xem bảng 10	

### 17.3. Thư viện

Thư viện Trường Đại học Kinh tế - Luật với cơ sở chính tọa lạc tại nhà điều hành và học tập của Trường (lầu 2 và lầu 8) và cơ sở hai tại số 45 Đinh Tiên Hoàng, phường Bến

Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh. Chi tiết về thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo của Trường như sau:

- Tổng diện tích thư viện: 940 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích phòng đọc: 466 m<sup>2</sup>.
- Số chỗ ngồi: 550 chỗ
- Số lượng máy tính có kết nối internet: 30 (19 máy cho sinh viên tra cứu, 11 máy cho cán bộ thư viện).
- Phần mềm quản lý thư viện: Aleph
- Thư viện trường Đại học Kinh tế - Luật: Có thư viện điện tử, đã kết nối được với 01 CSDL điện tử ngoài nước (OECD). Số lượng sách, giáo trình điện tử: 54 ebook. Thư viện Đại học Kinh tế - Luật đã kết nối và chia sẻ nguồn lực thông tin với 04 trường Đại học: Đại học Luật Hà Nội, Đại học Luật TP. HCM, Đại học Ngân hàng, Đại học kiểm sát; kết nối với mạng lưới thư viện các trường Đại học ASEAN (AUNILo, link: <https://aunilosec.blog/>).
- Thư viện trung tâm ĐHQG-HCM: Có thư viện điện tử, đã kết nối được với 04 CSDL điện tử trong nước (Bộ sưu tập số toàn văn: Sách/Bài giảng/Luận án tất cả các chủ đề; Toàn văn 13 tạp chí khoa học trong nước từ năm 2007 đến nay; Toàn bộ tài liệu Khoa học & Công nghệ của Cục KH&CN Quốc gia Việt Nam; CSDL Ebook tiếng Việt của Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM bao gồm: sách giáo khoa, giáo trình, từ điển thuộc tất cả các lĩnh vực), đã kết nối được với 18 CSDL điện tử ngoài nước (ACS, ScienceDirect, Springer, JI, MathSciNet, OECD, ProQuest, SpringerOpen, Emerald, IOP science, IGPublishing, IEEE, MIT OCW, Nature, EEWOOW, GALE Cengage Learning, Access Engineering, Access Science); Số lượng sách, giáo trình điện tử: 218 ebook.

Thông tin tóm tắt về thư viện trường Đại học Kinh tế - Luật được trình bày ở Bảng 15 dưới đây.

**Bảng 15. Thông tin về thư viện**

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
1	Diện tích	m <sup>2</sup>	940
2	Số đầu sách	Quyển	926
3	Số đầu sách chuyên ngành	Quyển	168



#### 17.4. Giáo trình, tài liệu học tập

Đề giảng dạy chương trình đào tạo, cần có 53 giáo trình, tài liệu học tập. Trong đó, Trường Đại học Kinh tế - Luật đã có 45 giáo trình, tài liệu học tập và cần phải bổ sung 8 giáo trình, tài liệu học tập (xem bảng 16)

**Bảng 16. Danh mục giáo trình, tài liệu học tập cho chương trình đào tạo**

Số TT	Tên môn học	Tên giáo trình, tài liệu học tập	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Địa chỉ website (nếu có)	Hiện trạng (*)
1	Những NLCB của CN Mác – Lênin	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin	PGS.TS Nguyễn Việt Thông	NXB Chính trị Quốc gia	2009		Đã có
		Chương trình học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Bộ Giáo dục và Đào tạo			Đã có
2	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	Chương trình môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và đào tạo		2007		Đã có
		Giáo trình Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam,	Bộ Giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2009		Đã có
		Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam	Đại tướng Võ Nguyên Giáp	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	1997		Đã có
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Chương trình học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	NXB Bộ Giáo dục và Đào tạo			Đã có
		Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2006		Đã có
4	Tâm lý học	Giáo trình tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.	2012		Đã có

Số TT	Tên môn học	Tên giáo trình, tài liệu học tập	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Địa chỉ website (nếu có)	Hiện trạng (*)
		Tâm lý học đại cương	Lê Tuyết Ánh	NXB ĐHQG TP. HCM	2016		Đã có
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Phương pháp nghiên cứu khoa học.	Nguyễn Thị Cảnh- Võ Thị Ngọc Thúy	NXB Đại học quốc gia HCM	2016		Đã có
		Phương pháp nghiên cứu khoa học	GS.TS. Nguyễn Thị Cảnh	NXB ĐHQG	2007		Đã có
		Các phương pháp nghiên cứu xã hội	Lawrence Neuman	NXB giáo dục - Pearson, Bang MA-Hoa Kỳ	2000		Đã có
6	Nhập môn giao tiếp	Giáo trình nhập môn giao tiếp	Nguyễn Bá Minh	NXB Đại học sư phạm Hà nội	2008		Đã có
		Nhập môn khoa học giao tiếp	Trần Trọng Huy – Nguyễn Sinh Huy	NXB Đại học sư phạm Hà nội	2006		Đã có
7	Kỹ năng làm việc nhóm	Kỹ năng làm việc nhóm	Huỳnh Văn Sơn	NXB Trẻ	2014		Đã có
		Teamwork Makes The Dreamwork	John C. Maxwell	W Publishing Group	2002		Đã có
8	Xã hội học	Nhập môn xã hội học	Trần Thị Kim Xuyên (chủ biên)	ĐHQG TPHCM	2005		Đã có
		Xã hội học	Phạm Tất Dong – Lê Ngọc Hùng (đồng chủ biên)	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2008		Đã có
9	Văn hóa học	Giáo trình cơ sở văn hóa Việt Nam	GS. Trần Ngọc Thêm	NXB Giáo dục đào tạo Hà Nội	1997		Đã có
		Giáo trình Văn hóa học	Nguyễn Thị Thương	ĐH Sư Phạm Tp.HCM			Đã có
10	Địa chính trị thế giới	Bài giảng Địa Chính trị thế giới	Học Viện Chính trị Quốc Gia Hà Nội		2000		Đã có
		Systematic	Harm J de Blij	John Wiley,	1967		Đã có



Số TT	Tên môn học	Tên giáo trình, tài liệu học tập	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Địa chỉ website (nếu có)	Hiện trạng (*)
		Political geography		New York			
		Geopolitics – Past, Present and Future	G. Parker	Pinter, London	1998		Đã có
		Geopolitique & Geostrategie	Nguyễn Quốc Hùng & Hoàng Khắc Nam	PUF, Paris	2006		Đã có
11	Quan hệ quốc tế	Bài giảng Nhập môn Quan hệ Quốc tế	Hoàng Khắc Nam	Đại học Khoa học xã hội nhân văn Hà Nội	2006		Đã có
		Quan hệ quốc tế: Những khía cạnh lý thuyết và vấn đề	Nguyễn Quốc Hùng & Hoàng Khắc Nam	NXB Chính trị quốc gia Hà Nội	2006		Đã có
		Lý luận Quan hệ quốc tế	Paul R. Vioti & Mark V, Kauppi	Học viên Quan hệ quốc tế, Hà Nội	2006		Đã có
12	Kinh tế học vi mô	Kinh tế vi mô	N. Gregory Mankiw	Nhà xuất bản Cengage	2014		Đã có
		Kinh tế học vi mô	Nguyễn Văn Luân	NXB ĐHQG TP.HCM	2015		Đã có
13	Kinh tế học vĩ mô	Kinh tế học vĩ mô	N. Gregory Mankiw	Nhà xuất bản Cengage	2014		Đã có
14	Quản trị học căn bản	Quản trị học	TS. Phạm Thế Tri	NXB ĐH Quốc Gia TP.HCM	2016		Đã có
		Những vấn đề cốt yếu của quản lý	Harold Koontz, Cyril Odonnell, Heinz Weihrich	NXB Khoa học & Kỹ thuật, Hà Nội	1992		Đã có
		Management	Robbins, S.P. & Coulter, M	Prentice Hall International	1996		Đã có
15	Anh văn thương mại	Market leader - Pre-intermediate	Cotton D., Falvey D. & Kent S	Pearson	2012		Đã có
		Market leader -	Rogers J.	Pearson	2012		Đã có

Số TT	Tên môn học	Tên giáo trình, tài liệu học tập	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Địa chỉ website (nếu có)	Hiện trạng (*)
		Pre-intermediate (Practice File)					
16	Tin học ứng dụng	Tin học đại cương	KS. Nguyễn Thanh Hải	NXB Văn hóa thông tin	2007		Đã có
		Tin học ứng dụng	Trương Hoài Phan	Nxb ĐHQG TP. HCM	2015		Đã có
		Giáo trình tin học đại cương dành cho các lớp cử nhân và cao học kinh tế Kinh tế	Tạ Minh Châu	NXB ĐHQG – HCM	2008		Đã có
		Giáo trình Tin học đại cương	KS. Nguyễn Thanh Hải	NXB Văn hóa thông tin	2007		Đã có
17	Logic học	Nhập môn logic học	Phạm, Đình Nghiệm	Nxb ĐHQG - HCM	2013		Đã có
		Giáo trình Logic học	PGS.TS.Lê Doãn Tá, GS.TS. Tô Duy Hợp, PGS.TS. Vũ Trọng Dung đồng chủ biên	Nxb Chính trị Quốc gia	2004		Đã có
		Giáo trình Logic học/HV Chính trị quốc gia HCM/Phân viện Hà Nội	PGS.TS.Lê Doãn Tá, GS.TS. Tô Duy Hợp, PGS.TS. Vũ Trọng Dung đồng chủ biên	Nxb Chính trị Quốc gia	2004		Đã có
18	Kinh tế lượng	Kinh tế lượng	Nguyễn Quang Đông	NXB Thống kê	2007		Đã có
		Kinh tế lượng (Bản dịch tiếng Việt của ĐH Fulright)	Ramu Ramanathan	Fulright	2010		Đã có
19	Lý luận Nhà nước và pháp luật	Giáo trình Pháp luật đại cương	Nguyễn Hợp Toàn	Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội	2006		Đã có
		Giáo trình Lý	Trường ĐH	NXB Công	2013		Đã có



Số TT	Tên môn học	Tên giáo trình, tài liệu học tập	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Địa chỉ website (nếu có)	Hiện trạng (*)
		luận nhà nước và pháp luật	Luật Hà Nội	an nhân dân			
20	Luật doanh nghiệp	<b>Giáo trình Luật kinh tế</b>	Trường ĐH Luật Hà Nội	NXB Giáo Dục	<b>2007</b>		Đã có
		<b>Giáo trình Luật kinh tế</b>	<b>Trường Đại Học Luật Hà Nội</b>		<b>2007</b>		Đã có
21	Toán cao cấp	Toán cao cấp (2 tập)	Nguyễn Việt Đông-Lê Thị Thiên Hương-Nguyễn Anh Tuấn-Lê Anh Vũ	NXB Giáo dục	2010 (có tái bản)		Đã có
		Toán cao cấp C1	Nguyễn Thành Long	NXB ĐHQG HCM	2004		Đã có
		Toán cao cấp C2	Nguyễn Đình Như	NXB ĐHQG HCM	2005		Đã có
22	Lý thuyết xác suất	Giáo trình xác suất thống kê	Tổng Đình Quý	NXB ĐHQG HCM	2003		Đã có
		Giáo trình Lý thuyết Xác suất và Thống kê Toán	Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh, Ngô Văn Thứ	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2010		Đã có
23	Nguyên lý kế toán	Kế toán đại cương:	Phạm Gặp	NXB ĐH Quốc Gia TP.HCM	2016		Đã có
		Kế toán đại cương	Bộ môn KTKT Khoa kinh tế	NXB. Đại học Quốc gia TP HCM.	2012		Đã có
		Principles of Financial Accounting	Ian Gillespie; Richard Lewis; Kay Hamilton	Pearson Prentice Hall	2013		Đã có
24	Nguyên lý thị trường tài chính	Giáo trình Thị trường chứng khoán	Nguyễn Văn Nam	Nxb Lao động - Xã hội	2002		Đã có
		Các nguyên lý tiền tệ ngân hàng và thị trường tài chính	Nguyễn Văn Luân	Nxb ĐHQG TP. HCM	2004		Đã có

Số TT	Tên môn học	Tên giáo trình, tài liệu học tập	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Địa chỉ website (nếu có)	Hiện trạng (*)
		Thị Trường tài chính	Madura, Jeff	Cengage Learning	2016		Đã có
		Tiền tệ ngân hàng và thị trường tài chính	Nguyễn Văn Ngọc	Nxb ĐH Kinh tế quốc dân	2012		Đã có
25	Marketing căn bản	Nguyên lý Marketing	Nguyễn Đình Thọ & Nguyễn Thị Mai Trang	NXB ĐH Quốc Gia TP.HCM	2008		Đã có
		Principles of Marketing	Philip Kotler and Gary Armstrong	Prentice-Hall	2012		Đã có
		Marketing căn bản (Sách của tập thể Bộ môn Marketing)	Phan Đình Quyền; Trần Thị Ý Nhi; Võ Thị Ngọc Trinh	NXB ĐH Quốc Gia TP.HCM	2013		Đã có
26	Thống kê ứng dụng	Giáo trình Lý thuyết thống kê	Hà Văn Sơn	NXB Thống kê	2004		Đã có
		Giáo trình xác suất - thống kê và ứng dụng	Nguyễn Phú Vinh	NXB Thống kê	2007		Đã có
27	Hệ thống thông tin kinh doanh	Hệ thống thông tin quản lý,	Phạm Thị Thanh Hồng – Phạm Minh Tuấn	NXB Khoa học Kỹ thuật	2007		Đã có
		Hệ thống thông tin quản lý	Nguyễn Thanh Hùng	NXB Đại học Quốc Gia TP.HCM	2006		Đã có
		Hệ thống thông tin quản lý,	Văn Huy - Huỳnh Ngọc Liễu	NXB Khoa học Kỹ thuật	2001		Đã có
		Hệ thống thông tin quản lý,	Trương Văn Tú - Trần Thị Song Minh	NXB Thống kê	2000		Đã có
28	Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	Hoàng Thị Chinh	Nxb Thống kê	2005		Đã có
		Bài tập kinh tế quốc tế	Hoàng Thị Chinh.	Nxb Thống kê	2002		Đã có
		Kinh tế quốc tế	Đỗ Đức Bình, Nguyễn Thường Lạng	Nxb ĐH Kinh tế quốc dân	2006		Đã có
		Quan hệ kinh tế	Nguyễn Quang	Nxb ĐHQG	2009		Đã có



Số TT	Tên môn học	Tên giáo trình, tài liệu học tập	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Địa chỉ website (nếu có)	Hiện trạng (*)
		quốc tế của liên minh châu Âu	Thuần	Hà Nội			
29	Quản trị nguồn nhân lực	Quản trị nguồn nhân lực	Trần Kim Dung	NXB Tổng hợp TP.HCM	2011		Đã có
		Mối quan hệ giữa động lực làm việc và sự hài lòng công việc của cán bộ, công chức ở Việt Nam	Phạm Đức Chính	Nxb Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh.	2016		Đã có
30	Quản trị tài chính	Quản trị tài chính – Bản dịch tiếng Việt	Brigham và Houston	NXB Cengage	2013		Đã có
		Fundamentals of Corporate Finance	Ross, Westerfield, Jordan	NXB mcgraw-Hill	2006		Đã có
31	Đầu tư tài chính	Investment	Bodie, Kane and Marcus	NXB mcgraw-Hill	2016		Đã có
		Đầu tư tài chính	Nguyễn Ngọc Huy, Nguyễn Anh Phong	NXB TTTT	2017		Đã có
32	Tài chính quốc tế	International Financial Management	Jeff Madura	Thomson Publishing, 9th edition	2008		Đã có
		Tài chính quốc tế	Nguyễn Thị Cành	Cengage	2009		Đã có
33	Ngân hàng TM	The U.S. Banking System	Center for Financial Training	Cengage Learning	2017		Đã có
		Hệ thống NH Hoa Kỳ	Trịnh Quốc Trung	Cengage	2019		
34	Công nghệ Tiền điện tử và hệ thống thanh toán điện tử	Bitcoin and Cryptocurrency Technologies	Miller, S. Goldfede	Princeton University Press	2016		

Số TT	Tên môn học	Tên giáo trình, tài liệu học tập	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Địa chỉ website (nếu có)	Hiện trạng (*)
39	Marketing dịch vụ tài chính	Marketing Financial Services	Estelami, H.	Dog Ear Publishing	2012		
40	Khai thác dữ liệu (Data mining)	Data Mining: Concepts and Techniques	J. Han et al	Morgan Kaufmann	2006		
		Introduction to Data Mining	P.-N. Tan et al	Pearson	2006		
41	Công nghệ Blockchain	The Science of the Blockchain	Roger Wattenhofer	CreateSpace Independent Publishing Platform	2016		
42	Entrepreneurship in Fintech	Entrepreneurial finance: strategy, valuation, and deal structure	Smith, J., Smith, R. L., Smith, R., & Bliss	Stanford University Press	2011		
43	Quản trị rủi ro tài chính	<i>Risk Management and Financial Institutions</i>	Hull, John C	Thomson Publishing, 9th edition.	2018		Đã có
44	Mô hình tài chính	Spreadsheet Modeling and Application	Albright and Winston	Thomson/Duxbury Press	2005		Đã có
		VBA for modelers	Christian Albright, Second Edition	Palisade	2006		
45	Big data Analytics	Python for Data Analysis	O'Reilly Media				
		The elements of statistical learning :data mining, inference, and prediction	Trevor Hastie, Robert Tibshirani, Jerome Friedman	Springer	2009		
46	Ngân hàng số	Digital Bank: Strategies to Launch or Become a Digital Bank	Chris Skinner	Hardcover	2014		Đã có
47	Business Analysis	Data Science for Business	Provost and Fawcett	O'Reilly	2008		
		Data Mining for	Shmueli, Patel,	Wiley	2010		



Số TT	Tên môn học	Tên giáo trình, tài liệu học tập	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Địa chỉ website (nếu có)	Hiện trạng (*)
	s	Business Intelligence, Concepts, Techniques and Applications	and Bruce				
48	Crowds Market	Networks, Crowds and Markets: Reasoning About a Highly Connected World	David Easley and Jon Kleinberg	http://www.cs.cornell.edu/home/kleinber/networks-book/networks-book.pdf			
49	Ngân hàng số	Ngân hàng số và xu hướng	PGS.TS Hoàng Công Gia Khánh	ĐHQG	2019		Đã có
50	Cơ sở lập trình, khai thác dữ liệu	Ứng dụng Python trong tài chính	PGS.TS Nguyễn Anh Phong và cộng sự	ĐHQG	2020		Đã có
51	Machine Learning	ML Trong tài chính Machine Learning in Finance	Matthew F. Dixon • Igor Halperin • Paul Bilokon	Springer	2020		Đã có
52	Deep Learning	DL trong tài chính DL for finance	Luigi Trioano, Arjun Bhandari	Packt Publishing	2020		
53	Cấu trúc dữ liệu	Cấu trúc dữ liệu minh họa bằng C++	Hồ Trung Thành, Trương Hoài Phan	ĐHQG	2009		Đã có

Ghi chú: (\*) Nếu rõ là đã có hoặc chưa có.

#### Hướng dẫn thực hiện chương trình

Trên cơ sở những Quy định chung Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh, Chương trình đào tạo cử nhân Công nghệ tài chính theo Hệ đào tạo Tin chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Luật được xây dựng căn cứ vào mục tiêu cụ thể, điều kiện thực tế của Trường, các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức chuyên nghiệp được thực hiện trong 8 học kỳ (bốn năm). Chương trình được

Trên cơ sở những Quy định chung Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh, Chương trình đào tạo cử nhân Công nghệ tài chính theo Hệ đào tạo Tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Luật được xây dựng căn cứ vào mục tiêu cụ thể, điều kiện thực tế của Trường, các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức chuyên nghiệp được thực hiện trong 8 học kỳ (bốn năm). Chương trình được xây dựng trên các nguyên tắc nhất định để đảm bảo tính liên thông, khoa học, đáp ứng nhu cầu xã hội. Các giảng viên phải tuân thủ theo đúng yêu cầu của chương trình. Các môn phải được thực hiện giảng dạy đúng theo thứ tự đã ghi theo từng học kỳ, theo đúng yêu cầu môn tiên quyết, môn trước, môn sau, môn song hành. Không đơn vị nào được tự ý thay đổi nếu không thông qua Hội đồng khoa học. Việc thực hiện đào tạo theo chương trình này phải tuân thủ Quy chế về đào tạo theo học chế tín chỉ của Đại học Quốc gia TP.HCM và Trường Đại học Kinh tế - Luật. Sau khi kết thúc khóa học, nếu hoàn thành đủ số lượng tín chỉ và được công nhận tốt nghiệp, người học được cấp bằng tốt nghiệp đại học bậc Cử nhân. Trong quá trình thực hiện, chương trình đào tạo sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của ngành và thực tiễn cũng như theo kế hoạch rà soát, đánh giá chương trình đào tạo theo định kỳ của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

**Bảng 16. Danh sách cán bộ tham gia hướng dẫn thực hiện chương trình**

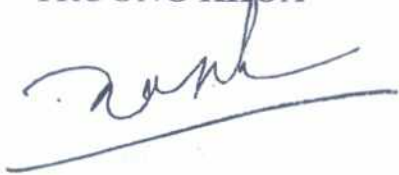
Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Ngành, chuyên ngành	Vị trí công tác	Ghi chú
1	Nguyễn Anh Phong	TS	Kinh tế tài chính ngân hàng	Trưởng khoa	
2	Tô Thị Thanh Trúc	ThS, NCS	Tài chính ngân hàng	P. Trưởng khoa	
3	Nguyễn Thị Diễm Hiền	ThS, NCS	Tài chính ngân hàng	Trưởng bộ môn ngân hàng	
4	Nguyễn Hoàng Anh	TS	Tài chính ngân hàng	Giảng viên	
5	Thân Ngọc Minh	TS	Tài chính ngân hàng	Giảng viên	
6	Lê Đức Quang Tú	TS	Tài chính ngân hàng	Giảng viên	
7	Phan Huy Tâm	ThS	Tài chính – Ngân hàng	Giảng viên	
8	Phạm Chí Khoa	ThS	Tài chính ngân hàng	Giảng viên	
9	Hồ Trung Thành	TS	Công Nghệ Thông tin	Trưởng Khoa HTTT	
10	Nguyễn Hoàng Uyên	TS	Toán Thống kê	Trưởng khoa Toán kinh tế	



**18. Kế hoạch đảm bảo chất lượng và kiểm định chương trình đào tạo**

- Năm thứ 1 và năm thứ 2: Khảo sát ý kiến của sinh viên cho tất cả các môn học
- Năm thứ 3: Khảo sát ý kiến của sinh viên cho tất cả các môn học và giảng viên
- Năm thứ 4: Khảo sát ý kiến của các bên liên quan; đánh giá của đơn nhà tuyển dụng; rà soát, đánh giá CTĐT; khảo sát tỷ lệ sinh viên ra trường tìm được việc đúng ngành hoặc liên quan đến ngành (như xác định trong chuẩn đầu ra).  
Chương trình dự kiến kiểm định theo chuẩn FIBBA năm 2023

**TRƯỞNG KHOA**



**PGS.TS. NGUYỄN ANH PHONG**

**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS. TS. NGUYỄN TIẾN DŨNG**